VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Văn bản hợp nhất số 57/VBHN-BGTVT ngày 03 tháng 10 năm 2022 hợp nhất Nghị định quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa

(Tiếp theo Công báo số 753 + 754)

Chương V
THỦ TỤC PHƯƠNG TIỆN VÀO, RỜI CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA, KHU NEO ĐẬU

Điều 50. Thủ tục phương tiện, tàu biển, thủy phi cơ, phương tiện thủy nước ngoài vào, rời cảng, bến thủy nội địa

1. Phương tiện, tàu biển, thủy phi cơ, phương tiện thủy nước ngoài vào, rời cảng, bến thủy nội địa phải làm thủ tục để được cấp giấy phép vào, rời cảng, bến thủy nội địa.

2. Trước khi phương tiện, thủy phi cơ vào, rời cảng, bến thủy nội địa, người làm thủ tục thông báo về phương tiện (số đăng ký), thời gian sẽ vào, rời cảng, bến thủy nội địa và loại hàng hóa hoặc số lượng hành khách cho Cảng vụ biết. Thông báo bằng tin nhắn, điện thoại hoặc hình thức khác. Thuyền trưởng, người lái phương tiện chỉ được đưa phương tiện, thủy phi cơ vào, rời cảng, bến thủy nội địa khi có đồng ý của Cảng vụ. Thời gian thông báo như sau:

a) Trước 02 giờ đối với phương tiện vận tải hàng hóa;

b) Trước 01 giờ đối với phương tiện vận tải hành khách, thủy phi cơ.

3. Thủ tục phương tiện, thủy phi cơ vào, rời cảng, bến thủy nội địa được thực hiện trực tiếp, thực hiện bằng thủ tục điện tử hoặc các hình thức khác theo quy định.

4. Phương tiện, tàu biển, thủy phi cơ, phương tiện thủy nước ngoài vào, rời cảng, bến thủy nội địa phải nộp phí, lệ phí theo quy định.

5. Quy định về thủ tục phương tiện vào, rời cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu tại Nghị định này không áp dụng đối với phương tiện vào, rời cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 51. Hình thức, thời gian, địa điểm làm thủ tục phương tiện, tàu biển, thủy phi cơ, phương tiện thủy nước ngoài vào, rời cảng, bến thủy nội địa

1. Hình thức làm thủ tục phương tiện, tàu biển, thủy phi cơ, phương tiện thủy nước ngoài vào, rời cảng, bến thủy nội địa

a) Nộp, trình giấy tờ trực tiếp tại Cảng vụ;

b) Thủ tục điện tử thông qua Cổng thông tin điện tử của Bộ Giao thông vận tải (phương tiện, tàu biển vận tải nội địa, thủy phi cơ);

c) Thủ tục điện tử áp dụng cơ chế một cửa quốc gia (phương tiện, tàu biển xuất, nhập cảnh, phương tiện thủy nước ngoài);

d) Thủ tục điện tử thông qua Cơ chế một cửa Asean;

đ) Hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian làm thủ tục: trong thời gian 30 phút, kể từ khi nhận đủ giấy tờ theo quy định, trừ tàu biển và phương tiện thủy nước ngoài.

3. Địa điểm làm thủ tục bằng hình thức nộp, trình giấy tờ trực tiếp đối với phương tiện, tàu biển, thủy phi cơ, phương tiện thủy nước ngoài làm thủ tục tại văn phòng của Cảng vụ hoặc tại cảng, bến hoặc có thể trên phương tiện (trong trường hợp đối với phương tiện đến từ khu vực dịch bệnh liên quan đến người, động vật, thực vật).

4. Quy trình thủ tục điện tử áp dụng cơ chế một cửa quốc gia và thủ tục điện tử thông qua Cơ chế một cửa Asean thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 52. Hồ sơ cấp giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ

1. Người làm thủ tục nộp giấy tờ sau:

a) Giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa, trừ trường hợp làm thủ tục điện tử;

b) Danh sách hành khách (đối với phương tiện vận tải hành khách).

2. Người làm thủ tục xuất trình bản chính giấy tờ sau:

a) Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, thủy phi cơ (hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức tín dụng trường hợp phương tiện đang cầm cố, thế chấp);

b) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện;

c) Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện;

d) Sổ danh bạ thuyền viên (nếu có);

đ) Hợp đồng vận chuyển hoặc hóa đơn xuất kho hoặc giấy vận chuyển hàng hóa;

e) Bảo hiểm trách nhiệm dân sự (đối với phương tiện thuộc diện bắt buộc phải có bảo hiểm trách nhiệm dân sự);

g) Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay đối với thủy phi cơ;

h) Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, phương án vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng (trường hợp phương tiện vận tải hàng hóa nguy hiểm, hàng hóa siêu trường, siêu trọng).

3. Người kiểm tra phải trả giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này cho người làm thủ tục sau khi kiểm tra, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này đã lưu trên cơ sở dữ liệu điện tử thì người làm thủ tục không phải xuất trình.

Điều 53. Hồ sơ cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ

1. Người làm thủ tục nộp, xuất trình các giấy tờ sau:

a) Giấy tờ phải nộp: danh sách hành khách (đối với phương tiện vận tải hành khách);

b) Giấy tờ phải xuất trình: hợp đồng vận chuyển hoặc giấy vận chuyển hoặc phiếu xuất hàng hóa; giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên

môn của thuyền viên, người lái phương tiện nếu có thay đổi so với khi phương tiện vào cảng, bến thủy nội địa.

2. Đối với phương tiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa khi hạ thủy để hoạt động, chủ phương tiện hoặc chủ cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện phải xuất trình cho Cảng vụ các giấy tờ sau:

a) Biên bản kiểm tra xác nhận phương tiện đủ điều kiện để hoạt động của Cơ quan Đăng kiểm;

b) Phương án bảo đảm an toàn giao thông khi hạ thủy phương tiện do chủ cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phương tiện lập.

Điều 54. Kiểm tra, cấp giấy phép phương tiện, thủy phi cơ vào, rời cảng, bến thủy nội địa

1. Người làm thủ tục có thể lựa chọn một trong các hình thức quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định này để làm thủ tục cho phương tiện, thủy phi cơ vào, rời cảng, bến thủy nội địa và theo quy định sau:

a) Trường hợp thực hiện trực tiếp tại địa điểm làm thủ tục, người làm thủ tục nộp, xuất trình giấy tờ quy định tại Điều 52, Điều 53 Nghị định này cho Cảng vụ;

b) Trường hợp làm thủ tục điện tử, người làm thủ tục cung cấp giấy tờ quy định tại Điều 52, Điều 53 Nghị định này trên phần mềm điện tử (do người làm thủ tục lựa chọn).

2. Kiểm tra giấy tờ thuyền viên, phương tiện

a) Trường hợp tiếp nhận giấy tờ trực tiếp từ người làm thủ tục, Cảng vụ kiểm tra sự phù hợp của giấy tờ theo quy định;

b) Trường hợp tiếp nhận giấy tờ qua thủ tục điện tử, Cảng vụ chỉ kiểm tra trên cơ sở dữ liệu mà không kiểm tra trực tiếp giấy tờ của phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, nếu phát hiện có sai sót thì kiểm tra trực tiếp.

3. Kiểm tra phương tiện

a) Cảng vụ kiểm tra phương tiện trên cơ sở giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện;

b) Nếu phát hiện có vi phạm thì Cảng vụ thông báo, xử lý và hướng dẫn người làm thủ tục có biện pháp khắc phục, thay đổi bảo đảm đúng quy định.

4. Phương tiện, thủy phi cơ được cấp giấy phép vào, rời cảng, bến thủy nội địa khi bảo đảm các điều kiện theo quy định tại Nghị định này.

5. Phương tiện được cấp phép rời cảng, bến thủy nội địa vẫn neo tại vùng nước cảng, bến thủy nội địa quá 24 giờ thì phải đổi lại giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa để điều chỉnh thời gian rời cảng, bến thủy nội địa.

6. Giấy phép vào, rời cảng, bến thủy nội địa có thể là bản giấy hoặc giấy phép điện tử. Giấy phép vào, rời cảng, bến thủy nội địa của phương tiện, thủy phi cơ theo Mẫu số 37, Mẫu số 38 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

7. Giấy phép vào, rời cảng, bến thủy nội địa do Cảng vụ đường thủy nội địa cấp và giấy phép rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa do Cảng vụ Hàng hải cấp được lưu trữ bằng giấy hoặc điện tử. Thời gian lưu trữ giấy phép vào, rời cảng, bến thủy nội địa bằng giấy là 02 năm, kể từ ngày phát hành. Hết thời hạn lưu trữ, Cảng vụ, Cảng vụ Hàng hải có trách nhiệm hủy giấy phép vào, rời cảng, bến thủy nội địa.

Điều 55. Thủ tục vào, rời cảng thủy nội địa đối với phương tiện vận tải thủy qua biên giới Việt Nam - Campuchia

1. Đối với phương tiện thủy nội địa của Vương quốc Campuchia vào, rời cảng thủy nội địa Việt Nam và phương tiện Việt Nam rời cảng thủy nội địa Việt Nam đi Campuchia, ngoài các thủ tục quy định tại Điều 51, Điều 52, Điều 53 và Điều 54 Nghị định này, còn phải xuất trình giấy phép vận tải thủy qua biên giới do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Trường hợp phương tiện thủy nội địa của Vương quốc Campuchia và phương tiện thủy Việt Nam nhập cảnh, xuất cảnh vào, rời cảng thủy nội địa Việt Nam áp dụng hình thức điện tử thì thực hiện theo quy định tại Điều 56, Điều 57 Nghị định này.

3. Phương tiện thủy nội địa của Vương quốc Campuchia và phương tiện thủy Việt Nam nhập cảnh, xuất cảnh vào, rời cảng thủy nội địa Việt Nam không áp

dụng hình thức điện tử thì thực hiện theo hình thức nộp, trình giấy tờ trực tiếp tại Cảng vụ.

4. Khi phương tiện đến cửa khẩu phải xuất trình các loại giấy tờ đã làm thủ tục xuất cảnh tại cảng xuất cảnh cho các cơ quan quản lý nhà nước tại cửa khẩu kiểm tra trước khi phương tiện rời khỏi lãnh thổ Việt Nam.

5. Trường hợp phương tiện không thể xuất cảnh đi Campuchia theo kế hoạch, người làm thủ tục phải thông báo và nộp lại các loại giấy tờ đã làm thủ tục xuất cảnh tại cửa khẩu cảng xuất cảnh để hủy hồ sơ xuất cảnh.

6. Giấy phép rời cảng thủy nội địa cấp cho phương tiện Việt Nam và phương tiện thủy nội địa của Vương quốc Campuchia rời cảng thủy nội địa Việt Nam đi Campuchia theo Mẫu số 39 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 56. Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia nhập cảnh vào cảng thủy nội địa Việt Nam

1. Chậm nhất 02 giờ, trước khi phương tiện dự kiến đến cửa khẩu, người làm thủ tục phải khai báo giấy tờ theo phương thức điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, gồm:

a) Thông báo phương tiện đến cảng thủy nội địa theo Mẫu số 48 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy phép rời cảng thủy nội địa theo Mẫu số 39 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Bản khai chung theo Mẫu số 40 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Danh sách thuyền viên theo Mẫu số 41 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

đ) Danh sách hành khách theo Mẫu số 42 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

e) Bản khai hàng hóa theo Mẫu số 43 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này hoặc hợp đồng vận chuyển hoặc hóa đơn xuất kho hoặc giấy vận chuyển hàng hóa;

g) Bản khai kiểm dịch thực vật đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch thực vật theo Mẫu số 44 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

h) Bản khai kiểm dịch động vật đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật theo Mẫu số 45 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

i) Bản khai vũ khí và vật liệu nổ (nếu có) theo Mẫu số 46 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

k) Bản khai người trốn trên tàu (nếu có) theo Mẫu số 47 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Các giấy tờ phải xuất trình

a) Giấy tờ xuất trình cho Cảng vụ gồm: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện, giấy tờ liên quan đến hàng hóa vận tải trên phương tiện, giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức tín dụng trong trường hợp phương tiện đang cầm cố, thế chấp), giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện, bản sao giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự (đối với phương tiện thuộc diện bắt buộc phải có bảo hiểm trách nhiệm dân sự), giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam - Campuchia;

b) Giấy tờ xuất trình cho Cơ quan Hải quan: Giấy tờ liên quan đến hàng hóa vận tải trên phương tiện;

c) Giấy tờ xuất trình cho Bộ đội Biên phòng cửa khẩu: Hộ chiếu và giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế của thuyền viên, hành khách (nếu có);

d) Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch thực vật: Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch thực vật);

đ) Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch động vật: Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật của nước xuất hàng (đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật);

e) Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch y tế: Giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế của thuyền viên, người lái phương tiện, hành khách (trong trường hợp xuất

phát hoặc đi qua vùng có dịch hoặc bị nghi ngờ mắc bệnh hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm).

3. Kiểm tra các loại giấy tờ liên quan đến phương tiện và thuyền viên

a) Cảng vụ kiểm tra các thông tin khai báo, tra cứu dữ liệu phương tiện, thuyền viên Việt Nam trên cơ sở dữ liệu điện tử của các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết thủ tục cấp giấy phép cho phương tiện vào cảng thủy nội địa;

b) Cảng vụ chỉ yêu cầu người làm thủ tục nộp, xuất trình các giấy tờ trong trường hợp cơ sở dữ liệu không có thông tin của phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện hoặc không đủ dữ liệu điện tử để kiểm tra, đối chiếu hoặc không bảo đảm điều kiện của chứng từ điện tử và người làm thủ tục chỉ khai báo dữ liệu lần đầu về phương tiện, thuyền viên trên phần mềm điện tử (do người làm thủ tục lựa chọn). Cảng vụ làm thủ tục đầu tiên kiểm tra, đối chiếu dữ liệu khai báo với bản chính xuất trình để giải quyết thủ tục cho phương tiện vào cảng thủy nội địa hoặc khi có sự thay đổi. Cơ sở dữ liệu về thuyền viên, người lái phương tiện, phương tiện, cảng thủy nội địa được lưu giữ trên Cổng thông tin một cửa quốc gia để làm cơ sở dữ liệu cho những lần làm thủ tục tiếp theo;

c) Thời hạn xuất trình các giấy tờ không có trong cơ sở dữ liệu: Chậm nhất 02 giờ, kể từ khi phương tiện đã neo đậu tại cầu cảng hoặc 04 giờ phương tiện đã neo đậu tại vị trí khác trong vùng nước cảng thủy nội địa

4. Trách nhiệm làm thủ tục của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa

a) Cảng vụ có trách nhiệm kiểm tra các giấy tờ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1, điểm a khoản 2 Điều này; chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này, trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau;

b) Cơ quan Hải quan chịu trách nhiệm kiểm tra các giấy tờ quy định tại các điểm a, c, d, đ, e khoản 1 Điều này; chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền

quyết định cuối cùng đối với giấy tờ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau;

c) Bộ đội Biên phòng cửa khẩu chịu trách nhiệm chính kiểm tra các giấy tờ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, i, k khoản 1, điểm c khoản 2 của Điều này và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với các giấy tờ quy định tại các điểm i, k khoản 1, điểm c khoản 2 Điều này, trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau;

d) Cơ quan kiểm dịch thực vật có trách nhiệm kiểm tra các giấy tờ quy định tại các điểm c, g khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều này; chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ quy định tại điểm g khoản 1 Điều này, trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau;

đ) Cơ quan kiểm dịch động vật có trách nhiệm kiểm tra các giấy tờ quy định tại các điểm c, h khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều này; chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ tại điểm h khoản 1 Điều này, trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau;

e) Cơ quan kiểm dịch y tế có trách nhiệm kiểm tra giấy tờ quy định tại điểm e khoản 2 Điều này và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ đã kiểm tra trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau.

5. Cấp phép điện tử

Chậm nhất 30 phút, kể từ khi người làm thủ tục hoàn thành các thủ tục khai báo điện tử và xuất trình đầy đủ các giấy tờ theo quy định, trên cơ sở ý kiến phản hồi của các cơ quan liên quan, Cảng vụ cấp giấy phép điện tử cho phương tiện vào cảng thủy nội địa thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Điều 57. Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia xuất cảnh rời cảng thủy nội địa Việt Nam

1. Chậm nhất 02 giờ, trước khi phương tiện rời cảng thủy nội địa, người làm thủ tục khai báo giấy tờ sau đây theo hình thức điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia

a) Thông báo phương tiện rời cùng thủy nội địa theo Mẫu số 48 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Danh sách thuyền viên, người lái phương tiện với đầy đủ chức danh;

c) Danh sách hành khách (đối với phương tiện chở hành khách);

d) Bản khai hàng hóa, hợp đồng vận chuyển hoặc hóa đơn xuất kho hoặc giấy vận chuyển (đối với phương tiện chở hàng hóa).

2. Các chứng từ phải xuất trình

a) Giấy tờ xuất trình cho Cảng vụ: Giấy tờ liên quan đến hàng hóa vận tải trên phương tiện; giấy tờ xác nhận việc nộp phí, lệ phí quy định của pháp luật, trừ trường hợp thanh toán điện tử; giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện; giấy tờ liên quan tới những thay đổi so với giấy tờ khi làm thủ tục cho phương tiện vào cảng thủy nội địa;

b) Giấy tờ xuất trình cho Cơ quan Hải quan: Giấy tờ liên quan đến hàng hóa vận tải trên phương tiện;

c) Giấy tờ xuất trình cho Bộ đội Biên phòng cửa khẩu: Hộ chiếu và giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế của thuyền viên, hành khách (nếu có);

d) Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch thực vật: Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch thực vật);

đ) Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch động vật: Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật của nước xuất hàng (đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật);

e) Giấy tờ xuất trình cho cơ quan kiểm dịch y tế: Giấy chứng nhận tiêm chủng quốc gia của thuyền viên, người lái phương tiện, hành khách (trong trường hợp

xuất phát hoặc đi qua vùng có dịch hoặc bị nghi ngờ mắc bệnh hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm).

3. Kiểm tra các loại giấy chứng nhận của phương tiện và thuyền viên.

a) Cảng vụ kiểm tra các thông tin khai báo, tra cứu dữ liệu của phương tiện, thuyền viên trên cơ sở dữ liệu điện tử của các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết thủ tục cấp giấy phép rời cảng thủy nội địa cho phương tiện;

b) Cảng vụ chỉ yêu cầu người làm thủ tục nộp, xuất trình các giấy tờ trong trường hợp cơ sở dữ liệu không có dữ liệu của phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện hoặc không đủ dữ liệu điện tử để kiểm tra, đối chiếu hoặc không bảo đảm điều kiện của chứng từ điện tử và người làm thủ tục chỉ việc khai báo dữ liệu lần đầu về phương tiện, thuyền viên trên phần mềm điện tử (do người làm thủ tục lựa chọn). Cảng vụ làm thủ tục cuối cùng kiểm tra, đối chiếu dữ liệu khai báo với bản chính xuất trình để giải quyết thủ tục cho phương tiện rời cảng thủy nội địa Việt Nam hoặc khi có sự thay đổi. Cơ sở dữ liệu về thuyền viên, người lái phương tiện, phương tiện rời cảng thủy nội địa Việt Nam được lưu giữ trên phần mềm điện tử để làm cơ sở dữ liệu cho những lần làm thủ tục tiếp theo.

4. Thời hạn nộp hoặc xuất trình các giấy tờ không có trong cơ sở dữ liệu: Chậm nhất 02 giờ, trước khi phương tiện rời cảng và cửa khẩu. Đối với phương tiện chở khách có thể thực hiện ngay tại thời điểm phương tiện chuẩn bị rời cảng và cửa khẩu.

5. Trách nhiệm làm thủ tục của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa

a) Cảng vụ có trách nhiệm kiểm tra các giấy tờ quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này; chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau;

b) Cơ quan hải quan chịu trách nhiệm trong việc kiểm tra các giấy tờ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này; chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết

định cuối cùng đối với giấy tờ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau;

c) Bộ đội Biên phòng cửa khẩu chịu trách nhiệm trong việc kiểm tra các chứng từ quy định tại các điểm a, b, c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều này; chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ quy định tại các điểm b, c khoản 1 Điều này trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau;

d) Cơ quan kiểm dịch thực vật có trách nhiệm kiểm tra các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều này, chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ quy định tại các điểm d khoản 2 Điều này trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau;

đ) Cơ quan kiểm dịch động vật có trách nhiệm kiểm tra các chứng từ quy định tại điểm a khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều này, chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ quy định tại các điểm đ khoản 2 Điều này trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau;

e) Cơ quan kiểm dịch y tế có trách nhiệm kiểm tra giấy tờ quy định tại điểm e khoản 2 Điều này, chịu trách nhiệm chính và có thẩm quyền quyết định cuối cùng đối với giấy tờ quy định tại các điểm e khoản 2 Điều này trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước cùng tham gia xử lý và có ý kiến khác nhau.

6. Cấp phép điện tử

a) Chậm nhất 30 phút, kể từ khi người làm thủ tục hoàn thành các thủ tục khai báo điện tử và xuất trình đầy đủ các giấy tờ theo quy định, trên cơ sở ý kiến phản hồi của các cơ quan liên quan, Cảng vụ cấp giấy phép cho phương tiện rời cảng thủy nội địa thông qua phần mềm điện tử;

b) Trường hợp phương tiện đã được cấp giấy phép rời cảng thủy nội địa nhưng ra đến cửa khẩu, cơ quan chức năng tại cửa khẩu không cho phương tiện xuất cảnh thì phải trả lời cho chủ phương tiện biết và nêu rõ lý do, đồng thời thông báo cho Cảng vụ cấp giấy phép rời cảng biết.

Điều 58. Thủ tục đối với tàu biển, phương tiện thủy nước ngoài vào, rời và nhập cảnh, xuất cảnh tại cảng thủy nội địa

1. Phương tiện thủy nước ngoài, tàu biển vào, rời và nhập cảnh, xuất cảnh tại cảng thủy nội địa thực hiện thủ tục theo quy định của pháp luật hàng hải đối với tàu thuyền vào, rời và nhập cảnh, xuất cảnh tại cảng biển và Nghị định này.

2. Mẫu giấy phép vào, rời cảng thủy nội địa và nhập cảnh, xuất cảnh đối với tàu biển, phương tiện thủy nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng hải.

Điều 59. Phương tiện, thủy phi cơ, tàu biển vào, rời khu neo đậu

1. Phương tiện, thủy phi cơ, tàu biển vào, rời khu neo đậu để chuyển tải hàng hóa, đón trả hành khách phải thực hiện thủ tục theo quy định như vào, rời cảng, bến thủy nội địa quy định tại Nghị định này.

2. Giấy phép vào, rời khu neo đậu theo Mẫu số 37, Mẫu số 38 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Bộ Tài chính quy định mức thu phí, lệ phí vào, rời khu neo đậu đối với phương tiện, thủy phi cơ, tàu biển quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 60. Miễn, giảm thủ tục vào, rời cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu

1. Các phương tiện sau đây được miễn làm thủ tục vào, rời cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu

a) Phương tiện chữa cháy; phương tiện tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ; phương tiện hộ đê; phương tiện, tàu biển, thủy phi cơ, phương tiện thủy nước ngoài tránh trú bão, lũ;

b) Phương tiện của cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang đang làm nhiệm vụ; phương tiện, đoàn phương tiện có Công an hộ tống hoặc dẫn đường;

c) Phương tiện chuyên dùng của đơn vị quản lý chuyên ngành đường thủy nội địa;

d) Phương tiện đón, trả hoa tiêu, tàu cá;

đ) Phương tiện vận tải hành khách ngang sông tại bến khách ngang sông;

e) Phương tiện (tàu con) chuyển tải hành khách, hàng hóa từ phương tiện, tàu biển, phương tiện thủy nước ngoài (tàu mẹ) vào cảng, bến và ngược lại; trong trường hợp này, tàu mẹ phải được làm thủ tục như thủ tục vào, rời cảng, bến, khu neo đậu. Trước khi vào cảng, bến thủy nội địa, thuyền trưởng, người lái phương tiện (tàu con) quy định tại điểm này phải thông báo cho Cảng vụ biết bằng văn bản hoặc bằng hình thức thông tin phù hợp khác;

g) Phương tiện chở người, vật tư, thiết bị đến và rời khu vực nuôi, trồng thủy, hải sản, xây dựng thi công công trình trên sông, hồ, đầm, phá, vụng, vịnh và trên biển;

h) Phương tiện thô sơ không kinh doanh vận tải;

i) Phương tiện vận tải hàng hóa (trừ hàng hóa nguy hiểm) có trọng tải toàn phần dưới 10 tấn;

k) Phương tiện, tàu biển, phương tiện thủy nước ngoài, thủy phi cơ vào, rời cảng thủy nội địa để tiếp nhận nhiên liệu, lương thực, thực phẩm.

2. Phương tiện, tàu biển, thủy phi cơ được giảm thủ tục vào, rời cảng, bến thủy nội địa

a) Phương tiện vận tải hành khách đã đăng ký hoạt động trên tuyến cố định có nhiều cảng, bến thủy nội địa đón, trả hành khách, nếu không thay đổi thuyền viên, người lái phương tiện thì chỉ làm thủ tục vào, rời cảng, bến thủy nội địa đầu và cảng, bến thủy nội địa cuối;

b) Phương tiện, tàu biển, thủy phi cơ trong một chuyến vận tải hàng hóa, hành khách vào, rời nhiều cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu thuộc phạm vi quản lý của một Đại diện cảng vụ mà không thay đổi hành khách, thuyền viên, người lái phương tiện thì chỉ làm thủ tục vào cảng, bến thủy nội địa đầu tiên và làm thủ tục rời tại cảng, bến thủy nội địa cuối cùng. Trong trường hợp này, việc di chuyển giữa các cảng, bến thủy nội địa được Cảng vụ cấp lệnh điều động cho phương tiện, tàu biển, thủy phi cơ. Lệnh điều động theo Mẫu số 49 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Phương tiện vận tải hành khách, thủy phi cơ thường xuyên vào, rời một cảng, bến thủy nội địa mà không thay đổi thuyền viên, người lái phương tiện và phương tiện có giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực thì làm thủ tục phương tiện vào, rời cảng, bến thủy nội địa chuyến thứ nhất. Từ chuyến thứ hai trở lên chỉ thực hiện kiểm tra an toàn và cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa;

d) Phương tiện vận chuyển nguyên liệu, nông sản, thủy sản từ nơi sản xuất, nuôi trồng đến cảng, bến của nhà máy chế biến mà khi rời cảng, bến này không vận chuyển hàng hóa, không thay đổi thuyền viên, người lái phương tiện thì không phải làm thủ tục rời cảng, bến;

đ) Phương tiện vào, rời cảng, bến thủy nội địa trong phạm vi quản lý của một Đại diện Cảng vụ từ hai lần trở lên trong một ngày mà không thay đổi thuyền viên, người lái phương tiện thì Cảng vụ kiểm tra giấy tờ của phương tiện, thuyền viên lần đầu. Việc kiểm tra điều kiện an toàn các lần vào, rời thực hiện theo quy định tại Nghị định này;

e) Phương tiện, tàu biển, thủy phi cơ, phương tiện thủy nước ngoài vào cầu, bến cảng biển hoặc khu vực hàng hải sau đó đến cảng, bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải để rời vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, thì Cảng vụ chỉ làm thủ tục rời cảng, bến thủy nội địa;

g) Phương tiện, tàu biển, thủy phi cơ, phương tiện thủy nước ngoài vào cảng, bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải sau đó đến cầu, bến cảng biển trong vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải đó, thì Cảng vụ chỉ làm thủ tục vào cảng, bến thủy nội địa;

h) Phương tiện, tàu biển, thủy phi cơ, phương tiện thủy nước ngoài vào cầu, bến cảng biển, cảng, bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải sau đó di chuyển giữa các cảng, bến thủy nội địa hoặc cảng biển, trong vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, thì Cảng vụ cấp lệnh điều động cho phương tiện. Lệnh điều động theo Mẫu số 49 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Trường hợp phương tiện vận tải hàng hóa vào cảng, bến thủy nội địa có giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa, mà trong giấy phép ghi nơi đến là cảng, bến thủy nội địa khác, thì Cảng vụ làm thủ tục cho phương tiện vào cảng, bến thủy nội địa và yêu cầu người làm thủ tục trình bày lý do thay đổi kế hoạch vận tải của phương tiện.

4. Khi phương tiện rời cảng, bến thủy nội địa chưa xác định được cảng, bến thủy nội địa đến, thì Cảng vụ ghi nơi đến (dự kiến) do người làm thủ tục đề xuất trong giấy phép rời cảng, bến.

Chương VI
TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 61. Trách nhiệm phối hợp quản lý hoạt động đường thủy nội địa

1. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trên đường thủy nội địa về tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu phải phối hợp thực hiện nhiệm vụ, tuân theo các quy định của pháp luật bảo đảm an toàn, an ninh và hiệu quả.

2. Các vướng mắc phát sinh liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác đều phải được trao đổi thống nhất để giải quyết kịp thời. Trường hợp không thống nhất, phải kịp thời thông báo cho Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Cảnh sát giao thông, Sở Giao thông vận tải biết để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm phối hợp hoạt động quản lý tại cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

a) Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài khi thực hiện nhiệm vụ phải tuân theo các quy định của pháp luật, không gây phiền hà, làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của doanh nghiệp, chủ tàu, chủ hàng, phương tiện và các tổ chức, cá nhân khác trong khu vực cảng thủy nội địa;

b) Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các thủ tục liên quan đến phương tiện, hàng hóa, hành khách, thuyền viên khi hoạt động tại cảng thủy nội địa theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật khác có liên quan; thông báo cho Cảng vụ biết kết quả giải quyết thủ tục liên quan đến phương tiện, hàng hóa, thuyền viên, hành khách khi hoạt động tại cảng thủy nội địa;

c) Cảng vụ có trách nhiệm chủ trì tổ chức phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài; trao đổi với các cơ quan, doanh nghiệp thống nhất việc giải quyết những vướng mắc phát sinh trong hoạt động đường thủy nội địa tại vùng nước cảng thủy nội địa do mình phụ trách; yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng thủy nội địa thông báo kịp thời kết quả làm thủ tục; yêu cầu người khai thác cảng thủy nội địa, chủ phương tiện, thuyền trưởng và các cơ quan, tổ chức liên quan khác cung cấp số liệu, thông tin về hoạt động đường thủy nội địa tại cảng thủy nội địa.

4. Cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận xây dựng, thiết lập công trình, công bố hoạt động công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa; chấp thuận phương án bảo đảm giao thông; thỏa thuận xây dựng, thiết lập công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa; cấp giấy phép, cho ý kiến về những vấn đề liên quan đến đường thủy nội địa, quốc phòng, an ninh phải thực hiện đúng trình tự theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Điều 62. Trách nhiệm quản lý hoạt động đường thủy nội địa của Bộ Giao thông vận tải

1. Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động giao thông đường thủy nội địa trong phạm vi cả nước; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Công bố danh mục cảng thủy nội địa 03 năm/lần, trên cơ sở rà soát, tổng hợp, báo cáo của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

3. Chỉ đạo Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tổ chức thực hiện:

a) Kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch, quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia;

b) Lập mẫu báo cáo, hướng dẫn thực hiện báo cáo về quản lý hoạt động khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa; hoạt động cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu;

c) Xây dựng cơ sở dữ liệu để quản lý luồng, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu; phương tiện ra, vào cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu trong phạm vi cả nước;

d) Công bố danh mục bến thủy nội địa, khu neo đậu hằng năm, trên cơ sở báo cáo tổng hợp của Sở Giao thông vận tải;

đ) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định về hoạt động đường thủy nội địa thuộc phạm vi thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Công bố tuyến hoạt động của phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB; quy định về quản lý phương tiện, thuyền viên làm việc trên phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật có liên quan nhằm bảo đảm an toàn, an ninh trong hoạt động đường thủy nội địa.

5. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này.

Điều 63. Trách nhiệm trong quản lý hoạt động giao thông đường thủy nội địa của các bộ liên quan

1. Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Chủ trì phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa;

b) Tổ chức lực lượng Cảnh sát giao thông tuần tra, kiểm soát, xử lý hành vi vi phạm pháp luật trên đường thủy nội địa đối với người, phương tiện tham gia giao thông đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật; điều tra, thống kê, cung cấp dữ liệu về tai nạn giao thông đường thủy nội địa;

c) Chỉ đạo lực lượng Công an các địa phương tăng cường phối hợp bảo vệ kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Giao thông vận tải quản lý hoạt động khai thác cát, sỏi, khoáng sản khác trên sông, kênh, rạch, hồ, đầm, phá có liên quan đến luồng và hành lang bảo vệ luồng, bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ môi trường trên đường thủy nội địa, cảng, bến thủy nội địa;

b) Chỉ đạo Thanh tra chuyên ngành phối hợp với các cơ quan liên quan thanh tra hoạt động khai thác khoáng sản, bảo vệ môi trường trên đường thủy nội địa theo quy định.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân nuôi trồng, đánh bắt thủy, hải sản và tàu cá hoạt động trên đường thủy nội địa thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông;

b) Chỉ đạo các địa phương tạo điều kiện để chủ cảng, bến thủy nội địa lập kho lưu hàng hóa, tập kết hàng hóa trên diện tích đất của cảng, bến thủy nội địa; kết hợp việc thoát lũ phù hợp với điều kiện thực tế không để cảng, bến thủy nội địa phải ngừng hoạt động khai thác trong thời gian không có lũ;

c) Phối hợp với Ủy ban nhân cấp tỉnh rà soát, giải tỏa các bến bãi tập kết hàng hóa vi phạm hành lang bảo vệ đê, công trình thủy lợi khác.

4. Các bộ, ngành có liên quan có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trực thuộc thực hiện phối hợp hoạt động quản lý nhà nước trên đường thủy nội địa, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu.

Điều 64. Trách nhiệm quản lý hoạt động đường thủy nội địa của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức quản lý, khai thác bến khách ngang sông; thực hiện các biện pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, chống lấn, chiếm hành lang bảo vệ luồng; bảo đảm trật tự an

toàn giao thông đường thủy nội địa và chịu trách nhiệm về trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa tại địa phương.

2. Tổ chức quản lý đối với sông, kênh, hồ, đầm, phá trên địa bàn chưa được đầu tư xây dựng, công bố mở luồng mà có hoạt động vận tải nhằm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

3. Ưu tiên bố trí đất xây dựng cảng, bến thủy nội địa bảo đảm ổn định. Chỉ đạo các cơ quan tham mưu tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu xây dựng, kinh doanh cảng, bến thủy nội địa được giao đất, cho thuê đất, lập hồ sơ đề nghị công bố hoạt động theo quy định.

4. Tổ chức giải tỏa các bến tập kết, xếp dỡ hàng hóa không đủ điều kiện để công bố hoạt động và các công trình, nhà hàng nổi, khách sạn nổi hoạt động trái quy định.

5. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giao thông đường thủy nội địa; áp dụng các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa tại địa phương.

6. Chỉ đạo, tổ chức quản lý nhà nước chuyên ngành về giao thông vận tải đường thủy nội địa tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.

7. Chỉ đạo Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện:

a) Kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch, quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi trách nhiệm được giao;

b) Lập danh bạ luồng địa phương, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu thuộc phạm vi quản lý, bến khách ngang sông trên địa bàn địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; tổ chức thực hiện quản lý nhà nước tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu thuộc phạm vi trách nhiệm;

c) Tổ chức lực lượng Thanh tra giao thông thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định về hoạt động đường thủy nội địa thuộc phạm vi thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này.

Điều 65. Quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu

1. Hoạt động quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu theo quy định tại Điều 71, Điều 72 Luật Giao thông đường thủy nội địa và Nghị định này.

2.[2] Cảng vụ thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, bến thủy nội địa (trừ bến khách ngang sông), khu neo đậu đã được công bố, cấp phép hoạt động trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia; cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu có vùng đất, vùng nước vừa trên đường thủy nội địa quốc gia và đường thủy nội địa địa phương; cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu trong vùng nước cảng biển được Bộ Giao thông vận tải giao.

3.[3] Cảng vụ thuộc Sở Giao thông vận tải hoặc cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện tại địa phương chưa có tổ chức Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc Sở Giao thông vận tải thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, bến thủy nội địa (trừ bến khách ngang sông), khu neo đậu đã được công bố, cấp phép hoạt động trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương; cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu trong vùng nước cảng biển thuộc địa giới hành chính của

---

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 54/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 54/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

địa phương được Bộ Giao thông vận tải giao; cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu theo quy định tại khoản 2 Điều này được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phân cấp theo quy định.

Điều 66. Trách nhiệm của chủ cảng, bến, người quản lý khai thác cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu

Chủ cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu, người quản lý khai thác cảng, bến, khu neo đậu có trách nhiệm thực hiện những quy định sau đây:

1. Duy trì hoạt động an toàn, an ninh của cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu, các thiết bị neo đậu phương tiện và báo hiệu đường thủy nội địa tại cảng, bến thủy nội địa; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trong kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

2. Xây dựng nội quy hoạt động của cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu; niêm yết giá bốc xếp hàng hóa và các dịch vụ khác. Nội quy hoạt động, bảng niêm yết giá bốc xếp hàng hóa phải bố trí ở nơi thuận lợi dễ thấy, nội dung rõ ràng, dễ đọc.

3. Lắp đèn chiếu sáng khi hoạt động ban đêm; xây dựng nơi chờ cho hành khách đối với cảng, bến đón trả hành khách; đối với cảng, bến hành khách bố trí giao thông kết nối hỗ trợ người khuyết tật, người cao tuổi.

4. Thiết bị xếp dỡ bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và phù hợp với kết cấu, sức chịu lực của công trình. Bố trí người điều khiển thiết bị xếp dỡ phải có giấy chứng nhận, chứng chỉ điều khiển theo quy định của pháp luật.

5. Không tiếp nhận phương tiện không có giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đã hết hạn sử dụng.

6. Không xếp hàng hóa vượt quá kích thước hoặc quá vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện hoặc xếp ô tô quá số lượng, vượt quá trọng tải xuống phương tiện; không xếp hành khách quá số lượng theo quy định xuống phương tiện; không xếp hàng hóa lên ô tô quá tải trọng cho phép.

7. Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về xếp dỡ hàng hóa độc hại, nguy hiểm.

8. Không cho phương tiện, tàu biển, thủy phi cơ, phương tiện thủy nước ngoài vào, rời cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu khi chưa có giấy phép vào, rời cảng, bến, khu neo đậu do Cảng vụ cấp.

9. Duy trì chuẩn tắc luồng chuyên dùng vào cảng, bến thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu.

10. Chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn, an ninh công trình cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và hành khách, phương tiện neo đậu tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu.

11. Bố trí nhân lực quản lý, khai thác cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu bảo đảm trật tự, an toàn, an ninh và môi trường.

12. Trường hợp cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu được cho thuê, ủy quyền khai thác thì người thuê, người được ủy quyền quản lý khai thác phải tuân theo quy định của pháp luật về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại Nghị định này và quy định khác có liên quan của pháp luật.

13. Chủ động cứu người, hàng hóa, phương tiện khi xảy ra tai nạn; báo cáo và phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết, khắc phục hậu quả tai nạn và ô nhiễm môi trường; tuân thủ sự điều động của Cảng vụ hoặc cơ quan liên quan trong việc cứu người, hàng hóa, phương tiện bị nạn trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa và phòng chống thiên tai.

14. Tiếp nhận, bảo quản danh sách hành khách do người làm thủ tục giao.

15. Cập nhật thường xuyên dữ liệu cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu đang khai thác, số liệu phương tiện, hàng hóa, hành khách qua cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu trên cơ sở dữ liệu của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

Điều 67. Trách nhiệm của thuyền trưởng, người lái phương tiện của phương tiện, tàu biển, phương tiện thủy nước ngoài, thủy phi cơ hoạt động trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa và khu neo đậu

Thuyền trưởng, người lái phương tiện, tàu biển, thủy phi cơ, phương tiện thủy nước ngoài hoạt động trong vừng nước cảng, bến thủy nội địa và khu neo đậu có trách nhiệm thực hiện những quy định sau:

1. Neo đậu phương tiện tại nơi do Cảng vụ bố trí.

2. Tuân thủ nội quy cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và các quy định về phòng chống thiên tai, phòng chống cháy, nổ, sự cố môi trường; chấp hành lệnh điều động của Cảng vụ trong các trường hợp khẩn cấp.

3. Phân công người trực ca để duy trì hoạt động của động cơ, thiết bị an toàn; thiết bị thông tin liên lạc; động cơ chính của phương tiện luôn ở trạng thái sẵn sàng hoạt động để xử lý kịp thời sự cố mất an toàn.

4. Trường hợp phát hiện trên phương tiện có người, động vật mắc bệnh truyền nhiễm hoặc thực vật có khả năng gây bệnh phải báo ngay cho Cảng vụ hoặc chính quyền địa phương nơi có cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu, cơ quan chức năng có liên quan và đưa phương tiện neo đậu tại khu vực riêng để có biện pháp xử lý.

5. Trong quá trình xếp, dỡ hàng hóa hoặc đón trả hành khách phải kiểm tra, chuẩn bị các điều kiện cần thiết bảo đảm an toàn lao động, nếu phát hiện dấu hiệu không an toàn, phải dừng ngay việc xếp, dỡ hàng hóa để có biện pháp khắc phục. Không xếp hàng hóa vượt quá kích thước của phương tiện, quá vạch dấu mớn nước an toàn, không nhận hành khách quá số lượng theo quy định.

6. Chỉ được cho phương tiện rời cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu khi phương tiện bảo đảm ổn định, điều kiện thời tiết, khí hậu thuận lợi. Thuyền trưởng, người lái phương tiện phải chịu trách nhiệm về sự an toàn, an ninh của hành khách, phương tiện, tàu biển, thủy phi cơ, phương tiện thủy nước ngoài khi rời cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu; sau khi rời cảng, bến thủy nội địa nếu có thay đổi về thuyền viên, thuyền trưởng phải thông báo cho Cảng vụ nơi cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa.

7. Không cản trở hoặc gây khó khăn cho người thi hành công vụ, thuyền viên của phương tiện khác đi qua phương tiện mình.

8. Khi phương tiện bị trôi dạt hoặc bị thay đổi nơi neo đậu do các nguyên nhân khách quan, phải tiến hành ngay các biện pháp bảo đảm an toàn và báo cho Cảng vụ biết.

9. Thuyền trưởng, thuyền viên, người lái phương tiện đang hoạt động tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu có nghĩa vụ bắt buộc cứu người và phương tiện thủy bị tai nạn xảy ra trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu.

10. Khi phát hiện tai nạn hoặc nguy cơ xảy ra tai nạn, thuyền trưởng, thuyền viên hoặc người lái phương tiện bị nạn phải lập tức phát tín hiệu cấp cứu theo quy định và tiến hành ngay các biện pháp cứu người, tài sản, đồng thời thông báo cho Cảng vụ hoặc Công an, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cảng, bến thủy nội địa để có biện pháp xử lý kịp thời.

11. Chấp hành sự huy động của Cảng vụ, Công an, chính quyền địa phương đưa phương tiện, thiết bị, dụng cụ tham gia tìm kiếm, cứu nạn.

12. Trường hợp phương tiện bị chìm đắm, sau khi cứu người, tài sản, thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện bị đắm phải đặt báo hiệu theo quy định, tổ chức cảnh báo và báo cáo ngay cho chủ phương tiện để tiến hành trục vớt. Việc xử lý phương tiện, tài sản chìm đắm tại vùng nước cảng, bến thủy nội địa áp dụng theo quy định của Chính phủ về xử lý tài sản chìm đắm trên đường thủy nội địa.

13. Thuyền trưởng phương tiện thủy nước ngoài phải treo quốc kỳ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở đỉnh cột cao nhất; trường hợp cần treo cờ lễ, cờ tang, kéo còi trong các dịp nghỉ lễ của nước mình, phải thông báo trước cho Cảng vụ.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[4]

---

[4] Điều 3 của Nghị định số 54/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022 quy định như sau:

"***Điều 3. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện***

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này."

Điều 68. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2021.

2. Bãi bỏ Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 10 Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa.

3. Bãi bỏ quy định liên quan đến thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa của Vương quốc Campuchia nhập cảnh, xuất cảnh tại cảng thủy nội địa Việt Nam và phương tiện thủy nội địa Việt Nam xuất cảnh tại cảng thủy nội địa đi Campuchia tại Quyết định số 34/2016/QĐ-TTg ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thủ tục điện tử đối với tàu thuyền vào, rời cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng dầu khí ngoài khơi thông qua Cơ chế một cửa quốc gia.

Điều 69. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với luồng quốc gia đã được công bố đưa vào hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tiếp tục tổ chức quản lý, bảo trì; đồng thời rà soát, phân loại, điều chuyển tài sản để đáp ứng các quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

2. Trường hợp các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã được chấp thuận chủ trương xây dựng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và còn thời hạn thì tiếp tục được thực hiện theo nội dung của văn bản đã chấp thuận; trường hợp, thời hạn của văn bản chấp thuận đã hết mà chưa triển khai thực hiện dự án, nếu tiếp tục đầu tư xây dựng thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

3. Cảng, bến thủy nội địa đã công bố, cấp phép hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, được khai thác theo thời hạn ghi trong quyết định, giấy phép. Khi hết thời hạn, nếu tiếp tục khai thác thì thực hiện công bố lại hoạt động theo quy định tại Nghị định này.

4. Đối với cảng, bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển do các Cảng vụ thực hiện chức năng quản lý chuyên ngành tại cảng, bến thủy nội địa trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện chức năng quản lý đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023, từ ngày 01 tháng 01 năm 2024, hoạt động quản lý cảng, bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

5. Đối với cảng, bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển đã được chấp thuận chủ trương xây dựng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo văn bản chấp thuận; cơ quan chấp thuận chủ trương xây dựng cảng, bến thủy nội địa công bố hoạt động của cảng, bến thủy nội địa.

6. Thời hạn lưu trữ của giấy phép vào, rời cảng, bến thủy nội địa, giấy phép rời cảng biển đã được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tính theo quy định tại khoản 7 Điều 54 Nghị định này.

Điều 70. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 57/VBHN-BGTVT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2022

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Sang

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa
Mẫu số 02	Đơn đề nghị về công bố mở luồng đường thủy nội địa
Mẫu số 03	Quyết định về việc công bố mở luồng đường thủy nội địa
Mẫu số 04	Đơn đề nghị về công bố đóng luồng đường thủy nội địa
Mẫu số 05	Quyết định về việc công bố đóng luồng đường thủy nội địa
Mẫu số 06	Thông báo luồng đường thủy nội địa (lần đầu)
Mẫu số 07	Thông báo luồng đường thủy nội địa (định kỳ)
Mẫu số 08	Thông báo luồng đường thủy nội địa (thường xuyên hoặc đột xuất)
Mẫu số 09	Đơn đề nghị thông báo luồng đường thủy nội địa
Mẫu số 10	Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng, bến thủy nội địa
Mẫu số 11	Đơn đề nghị về việc đổi tên cảng (bến thủy nội địa, khu neo đậu)
Mẫu số 12	Đơn đề nghị công bố hoạt động cảng (bến) thủy nội địa
Mẫu số 13	Quyết định về việc công bố (công bố lại) hoạt động cảng (bến) thủy nội địa
Mẫu số 14	Đơn đề nghị công bố (công bố lại) hoạt động cảng (bến) thủy nội địa

Mẫu số 15	Đơn đề nghị công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa
Mẫu số 16	Quyết định về việc công bố đóng cảng (bến) thủy nội địa
Mẫu số 17	Đơn đề nghị thỏa thuận thiết lập khu neo đậu
Mẫu số 18	Đơn đề nghị công bố hoạt động khu neo đậu
Mẫu số 19	Quyết định về việc công bố hoạt động khu neo đậu
Mẫu số 20	Đơn đề nghị công bố đóng khu neo đậu
Mẫu số 21	Quyết định về việc công bố đóng khu neo đậu
Mẫu số 22	Đơn đề nghị thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa
Mẫu số 23	Thông báo về việc đưa báo hiệu trên luồng chuyên dùng vào sử dụng
Mẫu số 24	Đơn đề nghị thỏa thuận vị trí xây dựng công trình (không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa) hoặc tổ chức hoạt động trên đường thủy nội địa
Mẫu số 25	Thông báo đưa công trình (không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa) vào sử dụng
Mẫu số 26	Đơn đề nghị chấp thuận phương án đảm bảo an toàn giao thông
Mẫu số 27	Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
Mẫu số 28	Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.
Mẫu số 29	Bản cam kết an ninh

Mẫu số 30	Đơn đề nghị phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
Mẫu số 31	Đơn đề nghị phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
Mẫu số 32	Đơn đề nghị xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
Mẫu số 33	Giấy chứng nhận phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
Mẫu số 34	Giấy chứng nhận phê duyệt kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
Mẫu số 35	Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
Mẫu số 36	Danh mục kiểm tra an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
Mẫu số 37	Giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa
Mẫu số 38	Giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa.
Mẫu số 39	Giấy phép rời cảng thủy nội địa
Mẫu số 40	Bản khai chung
Mẫu số 41	Danh sách thuyền viên
Mẫu số 42	Danh sách hành khách
Mẫu số 43	Bản khai hàng hóa

Mẫu số 44	Bản khai kiểm dịch thực vật
Mẫu số 45	Bản khai kiểm dịch động vật
Mẫu số 46	Bản khai vũ khí và vật liệu nổ
Mẫu số 47	Bản khai người trốn trên tàu
Mẫu số 48	Thông báo tàu đến/rời cảng
Mẫu số 49	Lệnh điều động

Mẫu số 01

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

..., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa... (1)

Kính gửi:..... (2)

Căn cứ Nghị định số..../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số..... ngày..... tháng... năm... tại...

Địa chỉ:..... số điện thoại liên hệ:.....

..... Đề nghị... (2) xem xét, thỏa thuận thông số kỹ thuật luồng đường thủy nội địa... (1) với các thông tin dưới đây:

1. Sự cần thiết xây dựng luồng;
2. Quy mô, lý trình, địa danh khu vực luồng;
3. Các thông số kỹ thuật cơ bản của luồng: Bề rộng, chiều sâu chạy tàu, bán kính cong,... của luồng;
4. Công trình hiện có trên luồng (chiều cao, chiều rộng khoang thông thuyền);
5. Loại luồng: (quốc gia, địa phương, chuyên dùng);
6. Phân kỳ đầu tư;
7. Thời gian khai thác (dự kiến);
8. Nội dung khác (nếu có):.....
9. Hồ sơ gửi kèm theo gồm:.....

Đề nghị..... (2)..... xem xét, trả lời./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG (4)
(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Ghi chú:

(1) Tên đường thủy nội địa.

(2) Cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận.

(3) Tên tổ chức, cá nhân.

(4) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Mẫu số 02

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	*..., ngày... tháng... năm...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Về công bố mở luồng đường thủy nội địa... (1)

Kính gửi:..... (2)

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số..... ngày..... tháng... năm... tại...

Địa chỉ:..... số điện thoại liên hệ:.....

Đề nghị....(2) xem xét công bố mở luồng...(1), với nội dung sau:

1. Chiều dài luồng đường thủy nội địa... km.

2. Điểm khởi đầu, điểm kết thúc luồng (3) hoặc địa danh điểm khởi đầu, điểm kết thúc:.....

3. Cấp kỹ thuật của luồng đường thủy nội địa:.....

a) Bề rộng luồng:.....;

b) Chiều sâu nhỏ nhất:.....;

c) Bán kính cong nhỏ nhất:.....

4. Công trình hiện có trên luồng (chiều cao, chiều rộng khoang thông thuyền):.....
.....

5. Loại luồng (quốc gia, địa phương, chuyên dùng):.....

6. Thời gian bắt đầu thực hiện khai thác trên luồng đường thủy nội địa:.....

7. Các nội dung khác .....

8. Hồ sơ gửi kèm theo gồm:.....

Đề nghị..... (2)..... xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận: - Như trên; - ...; - Lưu: VT, ...	**THỦ TRƯỞNG** *(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)*

Ghi chú:

(1) Tên đường thủy nội địa đề nghị công bố.

(2) Tên cơ quan có thẩm quyền công bố mở luồng.

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

Mẫu số 03

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CÔNG BỐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-...	*..., ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố mở luồng đường thủy nội địa

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CÔNG BỐ

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ .....;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị công bố mở luồng đường thủy nội địa của.....;

Theo đề nghị của .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố mở luồng đường thủy nội địa (1)..... ...

Chiều dài luồng đường thủy nội địa.....

Từ km thứ..... đến km thứ .....

Tọa độ: (2).....

Điểm khởi đầu thuộc địa phận: xã (phường)..., huyện (quận).....

Điểm kết thúc thuộc địa phận: xã (phường)....., huyện (quận) .....

Cấp kỹ thuật luồng: .....

Thời gian bắt đầu thực hiện khai thác trên luồng đường thủy nội địa: .....

Điều 2. Trong quá trình khai thác luồng đường thủy nội địa, (tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm thực hiện các quy định sau:

1 .....

2 .....

Điều 3.

1. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm...

3. ..., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - ...; - Lưu: VT, ...	**THỦ TRƯỞNG** *(Ký tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Tên luồng (ghi rõ luồng quốc gia, luồng địa phương hoặc luồng chuyên dùng).

(2) Hệ tọa độ VN 2000.

Mẫu số 04

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...

..., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Công bố đóng luồng đường thủy nội địa... (1)

Kính gửi:..... (2)

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ.....;

Đề nghị...(2) xem xét công bố đóng luồng...(1), với nội dung sau:

1. Lý do của việc đóng luồng đường thủy nội địa:.....
2. Chiều dài luồng đường thủy nội địa:... km.....
3. Tọa độ khởi đầu; kết thúc luồng...(3) .....
4. Địa danh điểm khởi đầu; điểm kết thúc luồng:.....
5. Thời gian bắt đầu đóng luồng đường thủy nội địa:.....
6. Các nội dung khác: .....

Đề nghị... (2) xem xét, công bố đóng luồng đường thủy nội địa... (1).

7. Hồ sơ gửi kèm.....

Đề nghị.... (2)..... xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Ghi chú:
(1) Tên đường thủy nội địa.
(2) Cơ quan công bố đóng luồng.
(3) Hệ tọa độ VN 2000.

Mẫu số 05

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CÔNG BỐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../QĐ-...	*..., ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố đóng luồng đường thủy nội địa

THỦ TRƯỞNG (1)

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ.....

Xét đơn và hồ sơ đề nghị công bố đóng luồng đường thủy nội địa của.....

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố đóng luồng đường thủy nội địa (2).....

Chiều dài luồng đường thủy nội địa... km.....

Từ km thứ..... đến km thứ .....

Tọa độ điểm khởi đầu; điểm kết thúc luồng...(3).....

Điểm đầu thuộc địa phận: xã (phường)....., huyện (quận).....

Điểm cuối thuộc địa phận: xã (phường)....., huyện (quận).....

Cấp kỹ thuật luồng: .....

Lý do đóng luồng: .....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm...

Điều 3...., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - ...; - Lưu: VT, ...	**THỦ TRƯỞNG (1)** *(Ký tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền công bố.

(2) Tên luồng.

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

Mẫu số 06

CƠ QUAN THÔNG BÁO LUỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../...	*..., ngày ... tháng ... năm...*

THÔNG BÁO
Luồng đường thủy nội địa (lần đầu)

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

(1) ... Thông báo luồng đường thủy nội địa (lần đầu) như sau:

1. Tên luồng: .....
2. Chiều dài luồng:.....
3. Cấp kỹ thuật luồng:.....
4. Trong phạm vi luồng, hành lang luồng:

TT	Tên điểm	Lý trình (km...)	Địa danh (xã, huyện, tỉnh)	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
1	Điểm khởi đầu						
2	Điểm tim luồng, điểm giao cắt với các tuyến khác						
3	Điểm kết thúc						

5. Tình hình luồng:

TT	Tên vật chướng ngại và công trình ngang tuyến	Lý trình (km...)	Địa danh (xã, huyện, tỉnh)	Các đặc trưng luồng			
				Độ sâu hoặc tĩnh không			Chiều rộng đáy luồng (B)
				Nhỏ nhất (h_{min})	Lớn nhất (h_{max})	Thực đo (h)	
1							
2							

6. Bãi cạn, đoạn cạn

TT	Tên bãi cạn, đoạn cạn	Lý trình (km...)	Địa danh (xã, huyện, tỉnh)	Độ sâu (h)	Mực nước (H)	Cao độ (Z)	Chiều rộng (B)	Chiều dài (L)	Ngày đo
1									
2									

7. Một số vấn đề khác:.....

Nơi nhận: - .....; - Lưu: VT, ...	**THỦ TRƯỞNG (1)** *(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, đơn vị thông báo.

Mẫu số 07

CƠ QUAN THÔNG BÁO LUỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.../...

..., ngày ... tháng ... năm...

THÔNG BÁO
Luồng đường thủy nội địa (định kỳ)

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

(1) ...Thông báo luồng đường thủy nội địa như sau:

1. Tên luồng: .....
2. Chiều dài, chiều rộng, chiều sâu, bán kính cong của luồng:.....
3. Cấp kỹ thuật luồng:.....
4. Trong phạm vi luồng, hành lang luồng:

TT	Tên điểm	Lý trình (km...)	Địa danh (xã, huyện, tỉnh)	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
1	Điểm đầu						
2	Điểm tim luồng, điểm giao cắt với các tuyến khác						
3	Điểm cuối						

5. Tình hình luồng:

TT	Tên vật chướng ngại, công trình trên đường thủy nội địa	Lý trình (km...)	Địa danh (xã, huyện, tỉnh)	Các đặc trưng luồng			
				Độ sâu hoặc tĩnh không			Chiều rộng đáy luồng (B)
				Nhỏ nhất (h_{min})	Lớn nhất (h_{max})	Thực đo (h)	
1							
2							

6. Bãi cạn, đoạn cạn:

TT	Tên bãi cạn, đoạn cạn	Lý trình (km...)	Địa danh (xã, huyện, tỉnh)	Độ sâu (h)	Mực nước (H)	Cao độ (Z)	Chiều rộng (B)	Chiều dài (L)	Ngày đo
1									
2									

7. Một số vấn đề khác:.....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG (1)
(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Ghi chú:
(1) Cơ quan thông báo luồng.

Mẫu số 08

CƠ QUAN THÔNG BÁO LUỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../.....	
	..., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO

Luồng đường thủy nội địa (Thường xuyên hoặc đột xuất)

(.....(1) .....)

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

(2) ... Thông báo luồng đường thủy nội địa (thường xuyên hoặc đột xuất) như sau:

1. Tên luồng: .....

2. Khu vực có bãi cạn/tình huống đột xuất:.....

3. Tình hình mực nước.....

TT	Sông	Trạm chính	Mực nước lớn nhất (Hmax)		Mực nước nhỏ nhất (Hmin)	
			Mực nước	Thời gian	Mực nước	Thời gian

4. Tình hình luồng

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tĩnh không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	

5. Những điều cần lưu ý

Nơi nhận:	**THỦ TRƯỞNG (2)**
- .....;	*(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)*
- .....;	
- Lưu: VT, ...	

Ghi chú:

(1) Khu vực hoặc vị trí (lý trình) thông báo đột xuất/sông, kênh.

(2) Cơ quan thông báo luồng.

Mẫu số 09

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../...	*... ngày..... tháng..... năm....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Thông báo luồng đường thủy nội địa

Kính gửi:..... (1)

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

(2) ... báo cáo kết quả khảo sát luồng đường thủy nội địa... (3). Đề nghị... (1) xem xét thông báo luồng... (3).

Hồ sơ gửi kèm gồm:.....

Đề nghị.... (1) ..... xem xét, thông báo./.

Nơi nhận: - Như trên; - ...; - Lưu: VT,...	**THỦ TRƯỞNG (2)** *(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)*

Ghi chú:

(1) Cơ quan thông báo luồng.

(2) Tên tổ chức, các nhân đề nghị.

(3) Tên luồng đường thủy nội địa.

Mẫu số 10

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../...	*... ngày..... tháng..... năm....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng, bến thủy nội địa

Kính gửi:.....(1)

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày.... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số.... ngày..... tháng..... năm.... tại.....

Địa chỉ:..... số điện thoại liên hệ:.....

Đề nghị xây dựng cảng, bến thủy nội địa (tên cảng, bến thủy nội địa) .....

1. Vị trí dự kiến xây dựng có tọa độ (3).....

Từ km thứ..... đến km thứ .....

Trên bờ (phải hay trái)..... sông, kênh).....

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn)....., huyện (quận) .....

Tỉnh (thành phố).....

2. Quy mô dự kiến (số cầu cảng, bến; kết cấu, cao trình mặt cầu cảng, bến).

3. Mục đích sử dụng.....

4. Phạm vi vùng đất sử dụng.....

5. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước... m; có sức chở... hành khách.

6. Phạm vi vùng nước sử dụng: (chiều dài dọc theo bờ sông, kênh... m, chiều rộng từ mép ngoài cầu cảng, bến... m);

7. Thời gian thực hiện:.....

8. Hồ sơ gửi kèm:.....

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung trong văn bản thỏa thuận xây dựng, (thiết lập) cảng (bến).

Nơi nhận: - Như trên; - ...; - Lưu: VT,...	**THỦ TRƯỞNG** *(Ký tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận.

(2) Đối với bến thủy nội địa tạm thời không phải ghi nội dung này.

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

Mẫu số 11

CHỦ CẢNG, BẾN, KHU NEO ĐẬU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../-...	*..., ngày... tháng... năm...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Về việc đổi tên cảng (bến thủy nội địa, khu neo đậu)

Kính gửi:..... (1)

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

(Tên chủ cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu) quyết định đổi tên cảng (bến) thủy nội địa, khu neo đậu... (2) được công bố tại Quyết định số...../QĐ-..... ngày... tháng... năm... của...(1) thành cảng (bến, khu neo đậu) thủy nội địa...(3) kể từ ngày... tháng... năm...

Lý do đổi tên cảng (bến, khu neo đậu).....

Đề nghị... (1) công bố lại hoạt động đối với cảng (bến, khu neo đậu)... (3) về nội dung thay đổi tên cảng (bến, khu neo đậu).

Nơi nhận: - Như trên; - ...; - Lưu: VT; ...	**CHỦ CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA, KHU NEO ĐẬU** *(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Cơ quan công bố hoạt động cảng, bến, khu neo đậu (hoặc cấp giấy phép hoạt động bến).

(2) Tên cảng (bến, khu neo đậu) đã được công bố.

(3) Tên cảng (bến, khu neo đậu) mới.

Mẫu số 12

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	*..., ngày... tháng... năm.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Công bố hoạt động cảng (bến) thủy nội địa

Kính gửi:.....(1)

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số..... ngày..... tháng..... năm.... tại.....

Địa chỉ:..... số điện thoại liên hệ:.....

Đề nghị công bố cảng (bến) thủy nội địa (2) .....

1. Vị trí cảng (bến) có tọa độ (3).....

Từ km thứ..... đến km thứ .....

Trên bờ (phải hay trái)..... sông, kênh.....

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn)....., huyện (quận) .....

Tỉnh (thành phố) .....

2. Cảng (bến) thuộc loại.....

3. Phạm vi vùng đất sử dụng.....

4. Quy mô về cơ sở hạ tầng (kết cấu công trình cầu cảng (công trình bến), số lượng cầu cảng, bến, kích thước cơ bản, cao trình cầu cảng, bến; kho bãi, kết nối các phương thức vận tải khác).

5. Thiết bị xếp dỡ hàng hóa:.....

6. Phạm vi vùng nước sử dụng.....

7. Phạm vi vùng nước khu neo đậu..... tại vị trí có tọa độ .....

8. Phương án khai thác cảng (bến).....

9. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước... m hoặc trọng tải... tấn; có sức chở... hành khách.

10. Thời gian hoạt động: từ ngày.... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

11. Hồ sơ gửi kèm:.....

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định công bố hoạt động cảng (bến).

Nơi nhận: - Như trên; - ...; - Lưu: VT, ...	**TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)** *(Ký tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền công bố.

(2) Tên cảng (bến).

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

- Trường hợp bến khách ngang trên cùng địa bàn cấp xã, cùng chủ bến thì chỉ ban hành 01 quyết định công bố.

Mẫu số 13

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CÔNG BỐ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ..... *..., ngày... tháng... năm....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố (công bố lại [1]) hoạt động cảng (bến) thủy nội địa

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI [2]

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày ... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;
Căn cứ.....;
Xét đơn và hồ sơ đề nghị công bố (công bố lại) cảng (bến) thủy nội địa của.....;
Theo đề nghị của .....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố (công bố lại) hoạt động cảng (bến) thủy nội địa.....
Tại ví trí có tọa độ.....
Từ km thứ..... đến km thứ .....
Trên bờ (phải hay trái)..... sông, kênh).....
Thuộc địa phận: xã (phường)....., huyện (quận).....
Tỉnh (thành phố) .....
Của (tổ chức, cá nhân) .....
Địa chỉ.....
Số điện thoại..... số Fax.....
Loại cảng (bến) .....
Cấp kỹ thuật của cảng.....
Vùng đất của cảng (bến) .....
Kết cấu công trình cảng (bến).....
Được phép tiếp nhận phương tiện có mớn nước... m hoặc trọng tải... tấn; có sức chở... hành khách.
Vùng nước của cảng (bến) theo bình đồ (sơ đồ) vùng nước cảng (bến) do cơ quan, đơn vị thực hiện..... ngày..... tháng..... năm..... .
Thiết bị xếp, dỡ .....
Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...
Điều 4. ..., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- ...;
- Lưu: VT; ...

BỘ TRƯỞNG [2]
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Trường hợp công bố lại hoạt động cảng, bến chỉ ghi những nội dung thay đổi.
(2) Hoặc là Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

Mẫu số 14

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	*..., ngày ... tháng... năm...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Công bố (công bố lại) hoạt động cảng (bến) thủy nội địa

Kính gửi:..... (1)

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số..... ngày..... tháng... năm... tại.....

Địa chỉ:..... số điện thoại liên hệ:.....

Đề nghị công bố lại hoạt động cảng (bến) thủy nội địa (2) ..... …

Nội dung đề nghị công bố lại:.....

1. Vị trí cảng (bến) có tọa độ (3).....

Từ km thứ..... đến km thứ .....

Trên bờ (phải hay trái) ..... sông, kênh) .....

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn), huyện (quận) .....

Tỉnh (thành phố).....

2. Thời hạn hoạt động: từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

3. Hồ sơ gửi kèm gồm:.....

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định công bố hoạt động cảng (bến).

Nơi nhận: - Như trên; - ...; - Lưu: VT, ...	**TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)** *(Ký tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền công bố.

(2) Tên cảng (bến).

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

Mẫu số 15

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	*..., ngày... tháng... năm...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa

Kính gửi:..... (1)

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số..... ngày..... tháng... năm... tại.....

Địa chỉ:..... số điện thoại liên hệ:.....

1. Thông tin bến thủy nội địa (2):.....

a) Vị trí bến có tọa độ (3).....

Từ km thứ..... đến km thứ .....

Trên bờ (phải hay trái) ..... sông, kênh) .....

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) ....., huyện (quận) .....

Tỉnh (thành phố) .....

b) Bến đã được công bố hoạt động theo Quyết định số... ngày.../.../... của….

c) Bến thuộc loại .....

d) Phạm vi vùng đất sử dụng .....

đ) Tóm tắt quy mô về cơ sở hạ tầng (công trình cầu bến, kho bãi, kết nối các phương thức vận tải khác:.....)

e) Phạm vi vùng nước sử dụng..... có tọa độ.....

2. Nội dung đề nghị công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng.....

a) Phương tiện có mớn nước... m hoặc trọng tải... tấn; có sức chở..... hành khách.

b) Thời hạn hoạt động: Từ ngày..... đến ngày .....

c) Hồ sơ gửi kèm gồm:.....

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định công bố hoạt động cảng (bến).

Nơi nhận: - Như trên; - ...; - Lưu: VT, ...	**TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)** *(Ký tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải.

(2) Tên cảng (bến).

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

Mẫu số 16

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CÔNG BỐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../QĐ-...	*..., ngày..... tháng..... năm...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố đóng cảng (bến) thủy nội địa

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI (1)

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ ..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của .....

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố đóng cảng (bến) thủy nội địa .....
Tại ví trí có tọa độ .....
Từ km thứ..... đến km thứ .....
Trên bờ (phải hay trái)..... sông, kênh .....
Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn)....., huyện (quận) .....
Tỉnh (thành phố).....
Của (tổ chức, cá nhân) .....
Địa chỉ .....
Số điện thoại..... số Fax .....
Lý do: .....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày..... tháng..... năm.....

Điều 3. ..., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - ...; - Lưu: VT; ...	**BỘ TRƯỞNG (1)** *(Ký tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) hoặc Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

Mẫu số 17

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..../....	...., *ngày.... tháng.... năm....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Thỏa thuận thiết lập khu neo đậu

Kính gửi: .....(1)

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số..... ngày..... tháng... năm... tại....

Địa chỉ:..... số điện thoại liên hệ:.....

Đề nghị thiết lập khu neo đậu (2).....

1. Vị trí dự kiến xây dựng có tọa độ (3).....

Cách bờ (phải hay trái)..... sông, kênh.....; cách luồng chính.....;

Thuộc địa phận: xã (phường)....., huyện (quận).....

Tỉnh (thành phố).....

2. Quy mô dự kiến xây dựng (4) .....

3. Thiết bị, phao neo đậu phương tiện:.....

4. Mục đích sử dụng.....

5. Phạm vi vùng nước sử dụng.....

6. Phương tiện, thiết bị xếp dỡ hàng hóa:.....

7. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có trọng tải... tấn hoặc mớn nước... m; có sức chở... hành khách.

8. Hồ sơ gửi kèm gồm:.....

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung văn bản thỏa thuận thiết lập khu neo đậu./.

Nơi nhận: - Như trên; - ...; - Lưu: VT, ...	**TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)** *(Ký tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận.

(2) Tên khu neo đậu.

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

(4) Số lượng phao neo và khoảng cách.

Mẫu số 18

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..../...	...., *ngày.... tháng.... năm....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Công bố hoạt động khu neo đậu

Kính gửi:.....(1)

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số..... ngày..... tháng... năm... tại.....

Địa chỉ:..... số điện thoại liên hệ:.....

Đề nghị công bố hoạt động khu neo đậu (2).....

1. Vị trí khu neo đậu (3).....

Cách bờ (phải hay trái).... sông, kênh).....; cách luồng chính.....

Thuộc địa phận: xã (phường)....., huyện (quận).....

Tỉnh (thành phố).....

2. Mục đích sử dụng.....

3. Phạm vi vùng nước sử dụng.....

4. Thiết bị, phao neo đậu phương tiện:.....

5. Phương tiện, thiết bị xếp dỡ hàng hóa:.....

6. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có trọng tải... tấn hoặc mớn nước... m; có sức chở... hành khách.

7. Hồ sơ gửi kèm gồm:.....

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định công bố hoạt động khu neo đậu./.

Nơi nhận: - Như trên; - ...; - Lưu: VT, ...	**TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)** *(Ký tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền công bố.

(2) Tên khu neo đậu.

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

Mẫu số 19

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CÔNG BỐ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.../QĐ-... *..., ngày..... tháng.... năm....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố hoạt động khu neo đậu

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VIỆT NAM (1)

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ (quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức)

Xét đơn và hồ sơ đề nghị công bố mở khu neo đậu.....

Theo đề nghị của .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố hoạt động khu neo đậu: (2)..... .....
Thuộc tổ chức, cá nhân .....
địa chỉ, trụ sở.....
Số điện thoại..... số Fax.....
Ngày..... do (cơ quan).....
Vị trí khu neo đậu (3)... cách bờ (phải hay trái)... sông, kênh... cách luồng chính... m;
Thuộc xã (phường)...., huyện (quận)..... tỉnh (thành phố).....
Mục đích sử dụng.....
Phạm vi vùng nước sử dụng.....
Có khả năng tiếp nhận phương tiện có mớn nước... m; có sức chở... hành khách.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm.....

Điều 4...., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- ...;
- Lưu: VT; ...

CỤC TRƯỞNG (1)
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải.
(2) Tên khu neo đậu.
(3) Hệ tọa độ VN 2000.

Mẫu số 20

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..../....	...., *ngày.... tháng.... năm....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Công bố đóng khu neo đậu

Kính gửi:.....(1)

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số.... ngày..... tháng... năm... tại...

Địa chỉ:..... số điện thoại liên hệ:.....

Đề nghị công bố đóng khu neo đậu (2).....

1. Vị trí khu neo đậu (3).....

Cách bờ (phải hay trái)..... sông, kênh).....; cách luồng chính.....

Thuộc địa phận: xã (phường)....., huyện (quận).....

tỉnh (thành phố).....

2. Phạm vi vùng nước sử dụng.....

3. Lý do đóng khu neo đậu.....

4. Hồ sơ gửi kèm gồm:.....

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận: - Như trên; - ...; - Lưu: VT, ...	**TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)** *(Ký tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền công bố.

(2) Tên khu neo đậu.

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

Mẫu số 21

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CÔNG BỐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../QĐ-...	*..., ngày ... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố đóng khu neo đậu

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VIỆT NAM (1)

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ (quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức).....

Xét đơn và hồ sơ đề nghị công bố đóng khu neo đậu của.....

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố đóng khu neo đậu: (2) .....
Thuộc tổ chức, cá nhân.....
Địa chỉ, trụ sở.....
Số điện thoại..... số Fax .....
Ngày..... do (cơ quan).....
Vị trí khu neo đậu (3)... cách bờ (phải hay trái)... sông, kênh)...; cách luồng chính….....
Thuộc xã (phường)....., huyện (quận)..... tỉnh (thành phố).....
Mục đích sử dụng.....
Phạm vi vùng nước sử dụng.....
Lý do đóng khu neo đậu.....

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm.....

Điều 4...., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 4; - ...; - Lưu: VT;	**CỤC TRƯỞNG (1)** *(Ký tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

(2) Tên khu neo đậu.

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

Mẫu số 22

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	...., *ngày.... tháng.... năm....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa

Kính gửi:.....(1)

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số.... ngày..... tháng... năm... tại.....

Địa chỉ:..... số điện thoại liên hệ:.....

Đề nghị chấp thuận thiết lập báo với nội dung như sau:

1. Vị trí: (2) .....

2. Số lượng báo hiệu: .....

3. Loại báo hiệu:.....

4. Hệ thống khác (nếu có): .....

5. Hồ sơ gửi kèm gồm:.....

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan./.

Nơi nhận: - Như trên; - ...; - Lưu: VT, ...	**TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)** *(Ký tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận.

(2) Hệ tọa độ VN 2000 hoặc địa danh hành chính, lý trình sông, kênh.

Mẫu số 23

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..../....	...., *ngày.... tháng.... năm....*

THÔNG BÁO

Về việc đưa báo hiệu trên luồng chuyên dùng vào sử dụng

Kính gửi:.....(1)

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số..... ngày..... tháng... năm... tại...

Địa chỉ:..... số điện thoại liên hệ:.....

Ngày... do (cơ quan... (2)... đề nghị... (1)... thông báo về việc đưa báo hiệu vào sử dụng.

Hồ sơ gửi kèm gồm:.....

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan./.

Nơi nhận: - Như trên; - .....; - Lưu: VT, ...	**TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)** *(Ký tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải.

(2) Tên đơn vị đề nghị.

Mẫu số 24

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..../....	...., *ngày.... tháng.... năm....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Thỏa thuận vị trí xây dựng công trình (không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa) hoặc tổ chức hoạt động trên đường thủy nội địa

Kính gửi:.....(1)

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số.... ngày..... tháng... năm... tại...

Địa chỉ:..... số điện thoại liên hệ:.....

Đề nghị xây dựng công trình (tổ chức hoạt động) (2) .....

1. Vị trí dự kiến xây dựng có tọa độ (3).....

Từ km thứ..... đến km thứ .....

Trên bờ (phải hay trái)..... sông, kênh).....

Thuộc địa phận: xã (phường)....., huyện (quận).....

Tỉnh (thành phố).....

2. Quy mô dự kiến xây dựng (hoạt động) .....

3. Mục đích sử dụng.....

4. Phạm vi vùng đất, vùng nước sử dụng.....

5. Mức độ ảnh hưởng đến an toàn giao thông: .....

6. Hồ sơ gửi kèm gồm:.....

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận: - Như trên; - .....; - Lưu: VT, ...	**TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)** *(Ký tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận.

(2) Tên công trình, hoạt động.

(3) Trên bờ hay trên đường thủy và sử dụng hệ tọa độ VN 2000.

Mẫu số 25

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../...	*..., ngày... tháng... năm...*

THÔNG BÁO
Đưa công trình (không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa)... (1) vào sử dụng

Kính gửi:..... (2)

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số..... ngày..... tháng... năm... tại.....

Địa chỉ:..... số điện thoại liên hệ:.....

Thông báo đưa công trình..... (1)..... vào sử dụng với một số nội dung có liên quan như sau:

1. Tên công trình:.....
2. Vị trí công trình:.....

Từ km thứ..... đến km thứ.....

Trên bờ (phải hay trái)..... sông, kênh).....

Thuộc địa phận: xã (phường)....., huyện (quận).....

Tỉnh (thành phố).....

3. Đặc điểm công trình:.....
4. Thời gian bắt đầu hoạt động của công trình, thời gian kết thúc (nếu có):
5. Giới hạn vùng nước của công trình:.....
6. Các thông số kỹ thuật của công trình có liên quan:.....
7. Hồ sơ gửi kèm gồm:.....

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận: - Như trên; - .....; - Lưu: VT, ...	**TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)** *(Ký tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Tên công trình.

(2) Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Sở Giao thông vận tải.

Mẫu số 26

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	*..., ngày ... tháng... năm...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Chấp thuận phương án đảm bảo an toàn giao thông

Kính gửi:.....(1)

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số..... ngày..... tháng... năm... tại.....

Địa chỉ:..... số điện thoại liên hệ:.....

Đề nghị...(1)... xem xét chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao trong quá trình (2) ..... tại.....(3)..... với các thông tin như sau:

1. Tên công trình: .....
2. Vị trí xây dựng công trình:.....
3. Thời gian xây dựng công trình:.....
4. Phương án bảo đảm an toàn giao thông.....
5. Bản sao văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có).
6. Hồ sơ gửi kèm gồm:.....

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan./.

Nơi nhận: - Như trên; - ..... - Lưu: VT, ...	**TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)** *(Ký tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

(2) Đầu tư, xây dựng, thi công, khai thác... tên công trình.

(3) Tên khu vực, tuyến, luồng, vùng nước...

Mẫu số 27

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

ĐÁNH GIÁ AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TIẾP NHẬN PHƯƠNG TIỆN THỦY NƯỚC NGOÀI
(Lần đầu)

Tên cơ quan, bộ phận thực hiện:.....
Thời gian tổ chức đánh giá:.....
(Lưu ý: Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa là tài liệu mật, nghiêm cấm việc sao chép, sử dụng, tiếp cận trái phép tài liệu này, trừ những người có trách nhiệm đối với công tác an ninh cảng thủy nội địa. Khi không sử dụng phải lưu giữ trong két bảo mật)

..., ngày..... tháng... năm...
GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

MỤC LỤC

Lời nói đầu

I. Khái quát về cảng (1)

II. Cơ sở pháp lý đối với việc đánh giá an ninh cảng thủy nội địa (2)

III. Phương án thực hiện đánh giá an ninh cảng thủy nội địa (3)

IV. Các tài sản, kết cấu hạ tầng quan trọng cần bảo vệ (4)

V. Các mối đe dọa đối với cảng (5)

VI. Hậu quả của các sự cố an ninh (6)

VII. Các khuyến nghị

VIII. Các Phụ lục

Phụ lục 1: Sơ đồ cảng

Phụ lục 2: Danh mục các cầu, bến cảng

Phụ lục 3: Phân tích rủi ro đối với mối đe dọa, tình huống giả định áp vào một tài sản, kết cấu hạ tầng cụ thể, bao gồm các nội dung:

- Quan sát, khảo sát ngay tại vị trí tài sản, kết cấu hạ tầng được thiết lập để mô tả các đặc điểm, yếu tố của chúng dưới góc độ bảo đảm an ninh nếu tình huống giả định xảy ra. Cụ thể cần mô tả về:

+ Vị trí;

+ Vai trò, công dụng của tài sản, kết cấu hạ tầng và ảnh hưởng của nó đối với hoạt động chung của cảng;

+ Loại, cấp cấu trúc của tài sản, kết cấu hạ tầng;

+ Các kết cấu liền kề hoặc tiếp giáp với của tài sản, kết cấu hạ tầng;

+ Hàng rào vòng ngoài;

+ Các lối, vị trí, nơi ra vào hoặc có thể tiếp cận tài sản, kết cấu hạ tầng;

+ Các hệ thống, biện pháp an ninh, bảo vệ hiện đang được vận hành; quy định ra vào, báo động, giám sát xâm nhập, chiếu sáng, camera kiểm soát tiếp cận, xâm nhập v,v...

- Nhận xét về các khiếm khuyết, điểm yếu đối với các vấn đề nêu trong các nội dung đã được mô tả, nhất là về: hàng rào; lối ra vào, tiếp cận; việc lưu thông, qua

lại khu vực tài sản, kết cấu hạ tầng; quy định, cách thức kiểm tra, kiểm soát; báo động; ý thức cảnh giác của cán bộ, nhân viên và việc phổ biến, huấn luyện về an ninh v.v...

- Các biện pháp an ninh cần thiết lập, áp dụng khi các Cấp độ an ninh cao hơn được thiết lập cho cảng thủy nội địa:

+ Cấp độ an ninh 2;

+ Cấp độ an ninh 3.

- Tính toán, lập Bảng kết quả phân tích rủi ro đối với các mối đe dọa tiềm ẩn, phù hợp với tình hình an ninh thực tế của cảng mình.

Ghi chú:

(1) Doanh nghiệp cảng tập hợp, thu thập thông tin về cảng thủy nội địa như sau:

a) Vị trí địa lý, diện tích và ranh giới tiếp giáp (vùng đất cảng, vùng nước trước cảng);

b) Vai trò của cảng đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh, khu vực hoặc quốc gia;

c) Số lượng và chủng loại hàng thông qua cảng;

d) Số lượt tàu đến cảng trong năm, loại tàu và quốc tịch tàu;

đ) Loại công trình cảng;

e) Các kết cấu hạ tầng của cảng;

g) Sơ đồ tổ chức, điều hành sản xuất, kinh doanh;

h) Các nội quy, quy định, quy trình hiện hành liên quan đến trật tự, trị an cảng;

(2) Nêu rõ việc thực hiện các quy định của Nghị định này.

(3) Nêu các nội dung: thành phần tham gia đánh giá an ninh cảng thủy nội địa gồm những ai? Nội dung tập hợp thông tin về kết cấu hạ tầng quan trọng cần bảo vệ và các vấn đề liên quan thực hiện trong bao lâu?

(4) Tham khảo mục 15.7 phần B của Bộ luật An ninh tàu và bến cảng (Bộ luật ISPS) để xác định những tài sản, kết cấu hạ tầng cụ thể nào là quan trọng, cần bảo vệ.

(5) Xác định các mối đe dọa đối với cảng như trộm cắp, buôn lậu ma túy, di cư, vượt biên trái phép và lậu vé; trộm cắp có vũ trang đối với tàu biển; phá hoại; khủng bố và tham khảo mục 15.11 Phần B của Bộ luật ISPS để xác định các mối đe dọa, sự cố an ninh cụ thể có thể xảy ra đối với cảng của mình.

(6) nêu những hậu quả chung và hậu quả, ảnh hưởng hậu quả của các tình huống giả định.

ĐÁNH GIÁ AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

STT	NỘI DUNG	ĐÁNH GIÁ	
I	**Tổng quát**		
1	Tên cảng thủy nội địa		
2	Doanh nghiệp cảng thủy nội địa		
3	Tên của cán bộ an ninh cảng thủy nội địa		
4	Số lượt tàu thuộc diện áp dụng quy định bảo đảm an ninh ghé vào cảng trong năm qua		
5	Loại tàu thuộc diện áp dụng quy định bảo đảm an ninh ghé vào cảng trong năm qua		
6	Thời gian kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt		
7	Từ ngày được phê duyệt đến nay cảng có thay đổi lớn gì về kết cấu, trang thiết bị hay khai thác không?	□ Có Chuyển đến Mục VI	□ Không
8	Từ ngày được phê duyệt đến nay tại cảng có xảy ra sự cố an ninh nào không?	□ Có Chuyển đến Mục VI	□ Không
II	**Tổ chức an ninh cảng và trách nhiệm**		
1	Ban (bộ phận) an ninh cảng có được thành lập không?	□ Có	□ Không
2	Ban (bộ phận) an ninh cảng thủy nội địa có họp định kỳ không?	□ Có Chu kỳ:	□ Không
3	Cán bộ an ninh có được chỉ định bằng văn bản không?	□ Có	□ Không
4	Các thành viên trong ban (bộ phận) an ninh cảng thủy nội địa có hiểu rõ trách nhiệm của mình không?	□ Có	□ Không
5	Các nhân viên bảo vệ có hiểu rõ trách nhiệm của mình không?	□ Có	□ Không

6	Các nhân viên khác trong cảng có hiểu rõ trách nhiệm của mình không?	□ Có	□ Không
7	Cảng có thiết lập các quy trình nhằm bảo vệ các thông tin nhạy cảm về an ninh đường thủy nội địa, kể cả Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa không?	□ Có	□ Không
8	Cảng có thiết lập mối quan hệ với các cơ quan có liên quan đến an ninh đường thủy nội địa không?	□ Có	□ Không
9	Cảng có ký bản cam kết an ninh với tàu không?	□ Có	□ Không
III	**Các biện pháp an ninh**		
1	**Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát tiếp cận cảng thủy nội địa**		
1.1	Các biện pháp an ninh thủy nội địa đang áp dụng có kiểm soát được		
	- Cán bộ, nhân viên tiếp cận cảng thủy nội địa không?	□ Có	□ Không
	- Công nhân tiếp cận cảng thủy nội địa không?	□ Có	□ Không
	- Khách tiếp cận cảng thủy nội địa không?	□ Có	□ Không
	- Thuyền viên tiếp cận cảng thủy nội địa không?	□ Có	□ Không
	- Những người khác tiếp cận cảng thủy nội địa không?	□ Có	□ Không
	- Xe máy, xe đạp tiếp cận cảng thủy nội địa không?	□ Có	□ Không
	- Xe ô tô chở (người, khách) tiếp cận cảng thủy nội địa không?	□ Có	□ Không
	- Xe ô tô tải tiếp cận cảng thủy nội địa không?	□ Có	□ Không
	- Phương tiện thủy tiếp cận cảng thủy nội địa không?	□ Có	□ Không
1.2	Cảng có xây dựng một hệ thống nhận dạng người và phương tiện ra vào cảng không?	□ Có	□ Không
1.3	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	□ Có	□ Không

1.4	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	□ Có	□ Không
2	**Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát các khu vực hạn chế trong cảng**	□ Có	□ Không
2.1	Các khu vực hạn chế trong cảng có được chỉ báo rõ ràng hay không?	□ Có	□ Không
2.2	Các biện pháp an ninh hiện đang áp dụng có kiểm soát được:	□ Có	□ Không
	- Cán bộ, nhân viên tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	□ Có	□ Không
	- Công nhân tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	□ Có	□ Không
	- Khách tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	□ Có	□ Không
	- Thuyền viên tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	□ Có	□ Không
	- Những người khác tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	□ Có	□ Không
	- Xe máy, xe đạp tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	□ Có	□ Không
	- Xe ô tô con tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	□ Có	□ Không
	- Xe ô tô tải tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	□ Có	□ Không
	- Tàu có tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không?	□ Có	□ Không
2.3	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	□ Có	□ Không
2.4	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	□ Có	□ Không

3	**Các biện pháp an ninh đối với hàng hóa**		
3.1	Có thường xuyên kiểm tra giấy tờ hàng hóa để bảo đảm chỉ những hàng hóa đúng chủng loại mới được cho vào cảng và kho hay không?	□ Có	□ Không
3.2	Có thường xuyên kiểm tra người vận chuyển hàng hóa để bảo đảm những người này được phép chở hàng hóa vào cảng không?	□ Có	□ Không
3.3	Có thường xuyên kiểm tra các thành phần của hàng hóa, kể cả việc kiểm tra niêm phong khi hàng hóa được đưa vào cảng, khi hàng hóa xếp trong cảng?	□ Có	□ Không
3.4	Có thường xuyên kiểm tra các phương tiện chở hàng vào cảng không?	□ Có	□ Không
3.5	Thực hiện kiểm tra hàng hóa nhằm tránh xáo trộn hàng hóa bằng: A. Mắt B. Bằng tay C. Các thiết bị dò, quét	 □ Có □ Có □ Có	 □ Không □ Không □ Không
3.6	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	□ Có	□ Không
3.7	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	□ Có	□ Không
4	**Các biện pháp an ninh đối với giao, nhận hàng cung ứng cho tàu**		
4.1	Có thường xuyên kiểm tra giấy tờ hàng cung ứng để bảo đảm chỉ những mặt hàng đúng chủng loại mới được cho vào cảng để đưa lên tàu không?	□ Có chu kỳ:	□ Không
4.2	Có thường xuyên kiểm tra người vận chuyển để bảo đảm những người này được phép chở hàng cung ứng vào cảng không?	□ Có chu kỳ;	□ Không

4.3	Có thường xuyên kiểm tra các thành phần của hàng cung ứng, kể cả việc kiểm tra chi tiết hàng cung ứng trước khi cho phép đưa vào cảng không?	□ Có chu kỳ:	□ Không
4.4	Có thường xuyên kiểm tra các phương tiện chở hàng cung ứng vào cảng không?	□ Có chu kỳ:	□ Không
4.5	Thực hiện kiểm tra hàng cung ứng bằng: A. Mắt B. Bằng tay C. Các thiết bị dò, quét	 □ Có □ Có □ Có	 □ Không □ Không □ Không
4.6	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	□ Có	□ Không
4.7	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	□ Có	□ Không
5	**Các biện pháp an ninh đối với hành lý gửi**		
5.1	Hành lý gửi có được đánh số, đeo thẻ và để ở những vị trí được bảo vệ thích hợp hay không?	□ Có.	□ Không
5.2	Có thường xuyên kiểm tra hành lý gửi không?	□ Có chu kỳ:	□ Không
5.3	Thực hiện kiểm tra hành lý gửi bằng: A. Mắt B. Bằng tay C. Các thiết bị dò, quét	 □ Có □ Có □ Có	 □ Không □ Không □ Không
5.4	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	□ Có	□ Không
5.5	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không?	□ Có	□ Không
6	**Các biện pháp an ninh đối với Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa**		
6.1	Lực lượng bảo vệ được bố trí tại các vị trí đã nêu trong Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa không?	□ Có	□ Không

6.2	Lực lượng tuần tra các khu vực trong cảng thủy nội địa thực hiện việc tuần tra bằng: A. Đi bộ B. Xe đạp, xe máy C. Ca nô	 □ Có □ Có □ Có	 □ Không □ Không □ Không
6.3	Có sử dụng camera để giám sát các khu vực nhạy cảm trong cảng thủy nội địa không?	□ Có	□ Không
6.4	Có các biện pháp để bảo đảm hệ thống chiếu sáng, hệ thống an ninh khác được cung cấp điện liên tục không?	□ Có	□ Không
6.5	Hệ thống chiếu sáng của cảng có bảo đảm đủ sáng để nhận dạng được người, phương tiện tới gần các điểm tiếp cận, hàng rào, các khu vực hạn chế và tàu, khi trời tối hay khi tầm nhìn xa bị hạn chế hay không?	□ Có	□ Không
6.6	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không?	□ Có	□ Không
6.7	Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở Cấp độ an ninh 3 không?	□ Có	□ Không
IV	**Quy trình báo cáo và các kế hoạch khẩn cấp**		
1	Có thường xuyên liên hệ với các cơ quan có liên quan không?	□ Có	□ Không
2	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch sơ tán sau các đợt thực tập, diễn tập không?	□ Có	□ Không
3	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó khi phát hiện vũ khí/thuốc nổ/vật khả nghi trong cảng sau các đợt thực tập, diễn tập không?	□ Có	□ Không
4	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó khi hệ thống chiếu sáng bị mất sau các đợt thực tập, diễn tập không?	□ Có	□ Không

5	Có cần cập nhật, bổ sung Kế hoạch phòng cháy chữa cháy sau các đợt thực tập, diễn tập không?	□ Có	□ Không
6	Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu sau các đợt thực tập, diễn tập không?	□ Có	□ Không
V	**Huấn luyện, thực tập và diễn tập**		
1	Có tổ chức huấn luyện cho ban (bộ phận) an ninh cảng biển không?	□ Có Biên bản:	□ Không
2	Có tổ chức huấn luyện cho lực lượng bảo vệ cảng không?	□ Có Biên bản:	□ Không
3	Có tổ chức huấn luyện cho các cán bộ, công nhân viên trong cảng không?	□ Có Biên bản:	□ Không
4	Có tổ chức các đợt thực tập theo kế hoạch không?	□ Có Biên bản:	□ Không
5	Có tổ chức đợt diễn tập theo kế hoạch không?	□ Có Biên bản:	□ Không
VI	**Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa và kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa bổ sung**		
1	Có tiến hành đánh giá an ninh cảng thủy nội địa theo quy định không?	□ Có	□ Không cần tiến hành ngay
2	Có tiến hành lập Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa theo quy định không?	□ Có	□ Không cần tiến hành ngay
VII	**Các khuyến nghị bổ sung, sửa đổi kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa**		
1	Tổ chức an ninh cảng và trách nhiệm		
2	Các biện pháp an ninh		
2.1	Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát tiếp cận cảng thủy nội địa		
2.2	Các biện pháp an ninh đối với các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa		
2.3	Các biện pháp an ninh đối với hàng hóa		
2.4	Các biện pháp an ninh đối với giao nhận hàng cung ứng cho tàu		

2.5	Các biện pháp an ninh đối với hành lý gửi	
2.6	Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát an ninh cảng thủy nội địa	
3	Quy trình báo cáo và các kế hoạch khẩn cấp	
4	Huấn luyện, thực tập và diễn tập	

TRƯỞNG BAN (BỘ PHẬN) AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA
(Ký tên)

..., ngày... tháng... năm...
GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BẢNG KẾT QUẢ PHÂN TÍCH RỦI RO

			ĐỐI VỚI TÌNH HÌNH HIỆN TẠI						SAU KHI ĐÃ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP AN NINH				
Cơ sở hạ tầng và hoạt động quan trọng	Xác định các mối đe dọa		Điểm hậu quả	Điểm khả năng tồn tại			Cấp, biện pháp xử lý	Biện pháp an ninh cần áp dụng	Điểm hậu quả	Điểm khả năng tồn tại			Cấp, biện pháp xử lý
				Đối với khả năng xâm nhập	Đối với an ninh tiếp cận	Tổng điểm				Đối với khả năng xâm nhập	Đối với an ninh tiếp cận	Tổng điểm	
	Mối đe dọa chính 1	- Tình huống cụ thể 1											
		- Tình huống cụ thể 2											
		-											
	Mối đe dọa chính 2	- Tình huống cụ thể 1											
		- Tình huống cụ thể 2											

Các mối đe dọa, tình huống giả định thường là: tấn công từ xa, đánh bom từ bên ngoài; xâm nhập trái phép; đưa vũ khí vào cảng, lên tàu; chiếm quyền kiểm soát; bắt, khống chế nhân viên; phá hoại; tấn công nhân viên, trộm, cắp tài sản.

Mẫu số 28

..... TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN.....
.....TÊN CẢNG THỦY NỘI ĐỊA.....

KẾ HOẠCH AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TIẾP NHẬN PHƯƠNG TIỆN THỦY NƯỚC NGOÀI

(Lần...)

Tên cơ quan, bộ phận thực hiện:.....

(Lưu ý: Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa là tài liệu mật, nghiêm cấm việc sao chép, sử dụng, tiếp cận trái phép tài liệu này, trừ những người có trách nhiệm đối với công tác an ninh cảng thủy nội địa. Khi không sử dụng phải lưu giữ trong két bảo mật)

..., ngày..... tháng... năm...
GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

MỤC LỤC

Bảng theo dõi sửa đổi, bổ sung Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa

Lời nói đầu

I. Cơ sở pháp lý đối với việc lập Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa (1)

II. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị về an ninh (2)

III. Các biện pháp an ninh (3)

IV. Quy trình báo cáo và các kế hoạch khẩn cấp (4)

V. Huấn luyện, thực tập và diễn tập (5)

VI. Xem xét lại Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa (6)

VII. Các Phụ lục

Phụ lục I: Địa chỉ liên lạc (7)

Phụ lục II: Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa (8)

Phụ lục III: Sơ đồ và các khu vực hạn chế

Phụ lục IV. Báo cáo các mối đe dọa, sự cố an ninh

BẢNG THEO DÕI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG KẾ HOẠCH AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

STT	Ngày sửa đổi	Vị trí sửa đổi (Trang số)	Nội dung sửa đổi	Ghi chú

Ghi chú:

(1) Nêu rõ các căn cứ pháp lý.

(2) Nêu rõ trách nhiệm về an ninh của các tổ chức, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan.

(3) Nêu tất cả các biện pháp an ninh sẽ được thiết lập, áp dụng tại cảng thủy nội địa ở cả ba cấp độ an ninh và tập hợp theo nhóm các lĩnh vực, cụ thể hóa các khuyến nghị trong bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa thành các biện pháp an ninh.

(4) Nêu rõ trách nhiệm, quy trình thông báo, báo cáo các sự cố hoặc mối đe dọa an ninh giữa các cơ quan liên quan. Đồng thời nêu tất cả các quy trình ứng phó đối với các tình huống khẩn nguy có thể xảy ra đối với cảng (như sơ tán khỏi cảng, phát hiện vũ khí hoặc chất nổ trong cảng, các thiết bị an ninh bị hỏng.v.v...)

(5) Nêu cụ thể chương trình huấn luyện, thực tập và diễn tập an ninh sẽ được triển khai tại đơn vị mình.

(6) Nêu các quy trình liên quan đến việc xem xét tính hiệu quả của các biện pháp và quy trình an ninh hiện được thiết lập trong kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa.

(7) Nêu rõ các thông tin về địa chỉ liên lạc của cảng thủy nội địa, doanh nghiệp cảng thủy nội địa, cán bộ an ninh cảng thủy nội địa, trực ban an ninh cảng thủy nội địa v.v...

(8) Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt.

Lưu ý: Từ ngữ sử dụng trong kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa phải nhất quán với đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

Mẫu số 29

BẢN CAM KẾT AN NINH
DECLARATION OF SECURITY

Bản cam kết an ninh có giá trị **Declaration of Security is valid**	**Từ** **From**	**Đến** **To**	**Lý do** **Reasons**

Tên tàu **Name of ship**	**Tên cảng** **Name of Port**	**Tên tàu kia** **Other Ship(s)**
Số IMO IMO N^0	Chủ sở hữu Owners	Số IMO IMO N^0
Cảng đăng ký Port of Registry	Địa chỉ Address	Cảng đăng ký Port of Registry
Công ty Responsible Company	Số điện thoại Tel N^0 Số điện thoại di động Mobile N^0	Công ty Responsible Company
Số điện thoại liên lạc 24/24 24 hr Contact N^0	Số Fax Fax N^0 Địa chỉ email E-mail	Số điện thoại liên lạc 24/24 24 hr Contact N^0
Cấp độ An ninh Security Level		Cấp độ An ninh Security Level

Bên cảng (hoặc bên tàu) và bên tàu cùng nhau thỏa thuận về các trách nhiệm và những biện pháp an ninh dưới đây nhằm tuân thủ các quy định về bảo đảm an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nội địa nước ngoài.

Hoạt động **Activity**	**Tàu** **The Ship**	**Cảng thủy nội địa** **Inland water way Port**	**Tàu kia** **Others Ships**
Xác nhận An ninh và các trách nhiệm Confirm Security and Responsibilities			
Các khu vực hạn chế: được thiết lập và kiểm soát Restricted areas: Established and Controlled			
Các điểm tiếp cận: được giám sát và kiểm soát Seaward perimeter monitored			
Vành đai phía sông được giám sát Landside perimeter monitored			
Chiếu sáng thích hợp ban đêm cho vành đai phía sông, phía bờ và tàu Adequate lighting during the night for the ship, land & seward perimeters			

Quá trình bốc xếp hàng hóa đã thống nhất Procerdures for handing cargo agreed			
Quá trình bốc xếp đồ dự trữ của tàu đã thống nhất Procerdures for handing ship stores agreed			
Kế hoạch ứng phó với: Response Pland for: Cháy . Fire Tiếp cận với những người không được phép Access by unauthorised personel Phát hiện những đồ vật khả nghi Suspicious article discovered			
Thông tin kiểm tra Communications Check Các tín hiệu ngầm được thỏa thuận Covert signal agreed Các báo động Alarms			
Nhận dạng và soi người Personel identification and screening			
Danh sách khách được phê duyệt Visitors list approved			
Các quy trình áp dụng đối với các vị khách không mời Procedures in place for unexpected visitors			

Chữ ký và địa chỉ liên lạc chi tiết Signatures and Contact Details		
Tàu	**Cảng thủy nội địa**	**Tàu**
The ship	Inland water way Port	The ship
Họ và tên Full Name	Họ và tên Full Name	Họ và tên Full Name
Chức danh Title	Chức danh Title	Chức danh Title
Chữ ký Signature	Chữ ký Signature	Chữ ký Signature
Ngày Date	Ngày Date	Ngày Date
Số điện thoại Tel No	Số điện thoại Tel No	Số điện thoại Tel No
Kênh liên lạc VTD Radio channel	Kênh liên lạc VTD Radio channel	Kênh liên lạc VTD Radio channel

Mẫu số 30

TÊN DOANH NGHIỆP CẢNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số.../...	*..., ngày... tháng... năm...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

Kính gửi:
- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;
- Cảng vụ Đường thủy nội địa... (1)

Tên doanh nghiệp khai thác cảng: .....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:..... Số fax:.....

Tên cảng:.....

Vị trí:.....

Doanh nghiệp cảng chúng tôi đã hoàn thành việc đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài theo quy định của Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa gồm... trang, kể cả các Phụ lục.

Đề nghị Cảng vụ Đường thủy nội địa thẩm định và phê duyệt./.

CÁN BỘ AN NINH CẢNG *(Ký ghi rõ họ tên)*	**LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP** *(Ký tên và đóng dấu)*

***Ghi chú*:**

(1) Cảng vụ trực tiếp quản lý cảng.

Mẫu số 31

TÊN DOANH NGHIỆP CẢNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số.../...	*..., ngày... tháng... năm...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

Kính gửi: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

Tên doanh nghiệp: .....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:..... Số fax: .....

Tên cảng:.....

Vị trí:.....

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Doanh nghiệp cảng chúng tôi đã hoàn thành việc đánh giá an ninh cảng thủy nội địa và đã được Cảng vụ Đường thủy nội địa thẩm định, phê duyệt. Trên cơ sở bản đánh giá an ninh, chúng tôi đã xây dựng hoàn thiện kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa theo quy định. Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa gồm..... trang, kể cả các Phụ lục.

Đề nghị Cục Đường thủy nội địa Việt Nam cấp Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài./.

CÁN BỘ AN NINH CẢNG *(Ký ghi rõ họ tên)*	**LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP** *(Ký tên và đóng dấu)*

Mẫu số 32

TÊN DOANH NGHIỆP CẢNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số.../...	*..., ngày... tháng... năm...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

Kính gửi: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

Tên doanh nghiệp: .....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:..... Số fax: .....

Tên cảng:.....

Vị trí:.....

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Doanh nghiệp cảng chúng tôi trong năm qua đã tuân thủ thực hiện các vụ trong Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt. Chúng tôi (thành việc đánh giá lại an ninh cảng thủy nội địa có sự tham gia của đại diện cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng theo quy định. Bản đánh giá cảng thủy nội địa gồm.... trang, kể cả các Phụ lục.

Đề nghị Cục Đường thủy nội địa Việt Nam xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài cho chúng tôi./.

CÁN BỘ AN NINH CẢNG	**LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP**
(Ký ghi rõ họ tên)	*(Ký tên và đóng dấu)*

Mẫu số 33

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../GCN-CĐTNĐ	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

GIẤY CHỨNG NHẬN
Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
(Lần...)

Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa của Cảng..... gồm..... trang, kể cả các phụ lục được gửi tới Cục Đường thủy nội địa Việt Nam..... vào ngày..... tháng..... năm 20.....

Sau khi nghiên cứu nội dung Bản đánh giá trên, kết hợp với kết quả thẩm định tại cảng, thấy rằng:

Nội dung	Phù hợp	Chưa phù hợp
Xác định các tài sản, kết cấu hạ tầng và hoạt động quan trọng cần bảo vệ	☐	☐
Xác định các mối đe dọa tiềm tàng đối với tài sản, kết cấu hạ tầng và hoạt động quan trọng cần bảo vệ	☐	☐
Xác định khả năng bị tổn hại.	☐	☐
Xác định, lựa chọn các biện pháp cần áp dụng giảm khả năng tổn hại.	☐	☐

Các khuyến khích cụ thể đối với nội dung chưa phù hợp (nếu có):

.....
.....
.....

	..., ngày... tháng... năm...
CÁN BỘ THẨM ĐỊNH *(Họ tên và chữ ký)*	**PHÊ DUYỆT CỦA CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VIỆT NAM** *(Ký tên và đóng dấu)*

Mẫu số 34

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../GCN-CĐTNĐ	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

GIẤY CHỨNG NHẬN
Phê duyệt kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
(Lần...)

Bản kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa của Cảng..... gồm... trang, kể cả các phụ lục được gửi tới Cục Đường thủy nội địa Việt Nam vào ngày... tháng... năm...

Sau khi nghiên cứu nội dung Bản kế hoạch trên, kết hợp với kết quả thẩm định tại cảng, thấy rằng:

Nội dung	Phù hợp	Chưa phù hợp
Các biện pháp bảo đảm an ninh sẽ được thiết lập áp dụng tại cảng thủy nội địa ở cả 3 cấp độ đối với các tài sản, kết cấu hạ tầng và hoạt động quan trọng cần bảo vệ	□	□
Quy trình thông báo, báo cáo các sự cố hoặc mối đe dọa an ninh giữa các cơ quan liên quan; quy trình ứng phó trước các mối đe dọa tiềm tàng đối với tài sản, kết cấu hạ tầng và hoạt động quan trọng cần bảo vệ	□	□
Chương trình huấn luyện, thực tập và diễn tập an ninh sẽ được triển khai tại cảng	□	□

Các khuyến khích cụ thể đối với nội dung chưa phù hợp (nếu có):

.....

CÁN BỘ THẨM ĐỊNH *(Họ tên và chữ ký)*	**PHÊ DUYỆT CỦA** **CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VIỆT NAM** *(Ký tên và đóng dấu)*

Mẫu số 35

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TIẾP NHẬN PHƯƠNG TIỆN THỦY NƯỚC NGOÀI
STATEMENT OF COMPLIANCE SECURITY OF I
NLAND WATERWAY PORT FACILITY

Số giấy chứng nhận:.....
Statement Number

Cơ quan cấp:.....
Issue by

CHỨNG NHẬN
CERTIFY THAT

Tên Cảng thủy nội địa:.....
Name of the Inland Waterway Port Facility
Địa chỉ của Cảng thủy nội địa:.....
Address of the Inland Waterway Port Facility

Đã tuân theo các quy định tại Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa và hoạt động phù hợp với Kế hoạch An ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt;

The compliance of aforementioned Port facility with the provisions of Decree No.../2021/ND-CP dated.... 2021 by the Prime Minister on management of inland waterway, and this port facility operates in accordance with the approved Inland Waterway Port Security Plan;

Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt phù hợp với hoạt động của loại tàu:
The Security Plan has been approved for the following vessel operations:
(Liệt kê các loại tàu phù hợp)
(List the appropriate vessels)

Giấy chứng nhận phù hợp này có giá trị đến ngày.... tháng năm.... và hàng năm tùy thuộc vào việc kiểm tra (ghi ở mặt sau).

This Statement Certificate of compliance is valid until..... and every year subject to the verification stated on the overleaf (recorded on the following pages)

Cấp tại...
Issued at:

Ngày cấp:.../.../... Date of issue	Chữ ký của người có thẩm quyền Signature of the duly Authorized Official Đóng dấu (Seal or Stamp of issuing Authority)

(Trang sau)

XÁC NHẬN HÀNG NĂM
ENDORSEMENT FOR VERIFICATIONS

CHỨNG NHẬN lần 1: Cảng thủy nội địa đã tuân thủ thực hiện các quy định về bảo đảm ninh cảng thủy nội địa.

1st VERIFICATION: THIS Inland Waterway Port facility was found to comply with the regulations to ensure security of Inland Waterway Port.

Chứng nhận này có giá trị đến hết ngày... tháng.... năm...
This Certificate of compliance is valid until
(Chữ ký của người có thẩm quyền)
(Signature of duly Authorized Official)

CHỨNG NHẬN lần 2: Cảng thủy nội địa đã tuân thủ thực hiện các quy định về bảo đảm an ninh cảng thủy nội địa.

2nd VERIFICATION: THIS Inland Waterway Port facility was found to comply with the regulations to ensure security of Inland Waterway Port.

Chứng nhận này có giá trị đến hết ngày... tháng... năm...
This Certificate of compliance is valid until.....
(Chữ ký của người có thẩm quyền)
(Signature of duly Authorized Official).

Mẫu số 36

DANH MỤC
Kiểm tra an ninh cảng thủy nội địa
tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài

STT	NỘI DUNG	ĐÁNH GIÁ	
I	**Tổng quát**		
1	Tên cảng thủy nội địa		
2	Địa chỉ cảng thủy nội địa		
3	Tên và địa chỉ của doanh nghiệp cảng thủy nội địa		
4	Loại tàu thuộc diện áp dụng quy định an ninh cảng thủy nội địa ghé vào cảng		
5	Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt vào ngày		
II	**Tổ chức an ninh cảng và trách nhiệm**		
1	Ban (bộ phận) an ninh cảng có được thành lập không?	□ Có Quyết định thành lập kèm theo	□ Không
2	Ban (bộ phận) an ninh cảng thủy nội địa có họp định kỳ không?	□ Có Biên bản họp kèm theo	□ Không
3	Cán bộ an ninh cảng thủy nội địa có được chỉ định bằng văn bản không?	□ Có Quyết định bổ nhiệm kèm theo	□ Không
4	Cán bộ an ninh cảng thủy nội địa có tham gia các khóa huấn luyện cán bộ an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nội địa nước ngoài không ?	□ Có Giấy chứng nhận huấn luyện kèm theo	□ Không
5	Cán bộ an ninh cảng thủy nội địa - Tên: - Địa chỉ: - Số điện thoại:		

6	Cán bộ an ninh cảng thủy nội địa - Tên: - Địa chỉ: - Số điện thoại:		
7	Cơ cấu và sức mạnh của lực lượng bảo vệ hiện thời có đáp ứng yêu cầu bảo vệ an ninh không?	□ Có	□ Không
8	Tất cả các trạm gác (cố định và di động) đều có nội quy bảo vệ không?	□ Có	□ Không
9	Tất cả các nội quy bảo vệ có được cán bộ an ninh cảng thủy nội địa định kỳ rà soát không?	□ Có chu kỳ:	□ Không
10	Lực lượng bảo vệ của cảng có bao nhiêu người ?		
11	Ở ngoài phạm vi cảng, có bao nhiêu nhân viên bảo vệ có thể có mặt tại cảng sau: - Khi nhận được thông báo một giờ: - Khi nhận được thông báo hai giờ:		
12	Lực lượng bảo vệ ghi hoặc báo cáo sự có mặt của họ tại các điểm trọng yếu trong cảng bằng: - Đồng hồ gác xách tay: - Trạm đồng hồ gác chung: - Điện thoại: - Thiết bị liên lạc VTĐ hai chiều - Các loại khác	□ Có □ Có □ Có □ Có □ Có Nêu cụ thể:	□ Không □ Không □ Không □ Không □ Không
13	Thời gian đi tuần, tuyến đường đi tuần, trình tự các điểm có thường xuyên thay đổi để tránh việc tạo thành "lối mòn" không?	□ Có	□ Không
III	**Kiểm soát sự di chuyển của người và phương tiện**		
1	Có sử dụng hệ thống nhận diện bằng thẻ hoặc giấy thông hành nhằm xác định tất cả nhân viên trong khu vực hạn chế không?	□ Có	□ Không
2	Những người không thường xuyên phải tiếp cận các khu vực hạn chế hoặc không có các giấy thông hành hoặc thẻ nhân viên, thì có được coi là "khách" và được Cấp thẻ hoặc giấy thông hành cho khách không?	□ Có	□ Không

3	a) Nhân viên gác tại các trạm gác có so sánh ảnh trên thẻ với người cầm thẻ cả khi vào lẫn khi ra không? b) Chỉ kiểm tra khi vào ? c) Chỉ kiểm tra khi ra?	□ Có □ Có □ Có	□ Không □ Không □ Không
4	Việc giám sát, nhận dạng người và hệ thống kiểm soát có thích hợp với mọi cấp độ an ninh không	□ Có	□ Không
5	Các thẻ và số seri có được lưu trữ và kiểm soát bởi một quy trình về trách nhiệm giải trình khắt khe không?	□ Có	□ Không
6	Các thẻ bị mất có được thay thế bằng thẻ với số seri khác không?	□ Có	□ Không
7	Có quy trình về cung cấp các bảo đảm cho các thẻ tạm thời đối với những người quên mang thẻ không?	□ Có	□ Không
8	Các thẻ có được thiết kế có dấu hiệu khác nhau để bảo vệ hoặc những nhân viên khác có thể nhanh chóng nhận ra quyền và giới hạn cho người mang thẻ không?	□ Có	□ Không
9	Có quy trình đảm bảo những thẻ hết hạn hoặc khi kết thúc công việc hoặc nhiệm vụ được giao sẽ giao trả lại không?	□ Có	□ Không
10	Có thiết lập quy trình để hộ tống khách khi cần thiết không?	□ Có	□ Không
11	Khách có được hộ tống thích hợp trong khu vực hạn chế không?	□ Có	□ Không
12	Có duy trì ghi chép về các cuộc viếng thăm hay không?	□ Có Ai làm:	□ Không
13	Xe của những nhà thầu và sở hữu tư nhân được phép thường xuyên ra vào cảng có được đăng ký với nhân viên an ninh không?	□ Có	□ Không
14	Có kiểm tra ngẫu nhiên các phương tiện ra vào không?	□ Có	□ Không
IV	**Các cửa ra vào và hàng rào**		
1	Các phần có rào của các khu vực cảng có đáp ứng các yêu cầu tối thiểu đối với hàng rào an ninh không? - Nó có kết cấu bằng các dây xích? - Nó được làm bằng thép cỡ 9 ly hoặc lớn hơn?	□ Có □ Có □ Có	□ Không □ Không □ Không

	- Các mắt lưới có nhỏ hơn 5 cm không? - Phía trên và dưới của hàng rào có dây thép gai không? - Dây thép gai ở trên hàng rào có đặt nghiêng ra phía ngoài 45° không? - Hàng rào có cao ít nhất 2,5m (kể cả dây thép gai) hay không?	□ Có □ Có □ Có □ Có	□ Không □ Không □ Không □ Không
2	Lực lượng bảo vệ cảng có tiến hành kiểm tra các hàng rào an ninh, kể cả khu vực trống, ít nhất một lần một tháng không? Các khiếm khuyết có được ghi nhận và sửa chữa ngay không? Nếu sử dụng tường xây thì có đáp ứng được các yêu cầu tối thiểu đối với hàng rào an ninh không?	□ Có □ Có □ Có	□ Không □ Không □ Không
3	Tất cả các cửa ra vào có được bảo vệ thích hợp không?	□ Có	□ Không
4	Nếu sử dụng các tòa nhà làm một phần của hàng rào an ninh, thì nó có các yếu tố nguy hiểm tiềm ẩn tại các điểm tiếp nối với các phần khác của hàng rào an ninh không?	□ Có	□ Không
5	Nếu hàng rào an ninh có một phần là nước thì có áp dụng các biện pháp an ninh bổ sung tại các khu vực này hay không?	□ Có	□ Không
6	Các vị trí như ống cống, đường hầm, miệng cống thoát nước thải và các thang vỉa hè có thể tiếp cận cảng và các khu vực hạn chế có được bảo vệ thích hợp hay không?	□ Có	□ Không
7	Tất cả các cổng ở hàng rào trên hàng rào an ninh có được bảo vệ và gác không?	□ Có	□ Không
8	Các cổng và/hoặc các cửa ra vào trên hàng rào an ninh có lớn hơn số lượng yêu cầu cho sự an toàn cũng như khai thác có hiệu quả không?	□ Có	□ Không
9	Các cổng trên hàng rào an ninh có được trang bị các thiết bị khóa bảo vệ hay không? Chúng có được khóa lại khi không sử dụng không?	□ Có □ Có	□ Không □ Không

10	Các khu vực trống có được thiết lập cả ở phía trong và phía ngoài của hàng rào khu vực hạn chế không? Nếu không đáp ứng được các yêu cầu về khu vực trống, có các biện pháp an ninh bổ sung không?	□ Có □ Có Nêu chi tiết	□ Không □ Không
11	Có khu vực nào trên hàng rào an ninh sử dụng hệ thống phát hiện xâm nhập không?	□ Có	□ Không
V	**Chiếu sáng**		
1	Các khu vực xung quanh cảng và hàng rào khu vực hạn chế có được chiếu sáng thích hợp không?	□ Có	□ Không
2	Hệ thống chiếu sáng có đáp ứng được các yêu cầu cường độ sáng thích hợp không?	□ Có	□ Không
3	Chiếu sáng xung quanh hàng rào có được sử dụng sao cho lực lượng an ninh tuần tra đứng trong bóng tối không?	□ Có	□ Không
4	Các đèn được định kỳ kiểm tra vận hành hợp lý trước khi trời tối không?	□ Có Chu kỳ:	□ Không
5	Việc sửa chữa hoặc thay thế các đèn không hoạt động được tiến hành ngay lập tức không?	□ Có	□ Không
6	Chiếu sáng bổ sung có được đặt tại các cổng hoặc nơi có khả năng xâm nhập không?	□ Có	□ Không
7	Các chòi gác có được chiếu sáng thích hợp không?	□ Có	□ Không
8	Có nguồn điện độc lập cho hệ thống chiếu sáng hay không?	□ Có	□ Không
9	Có nguồn điện dự phòng cho hệ thống chiếu sáng hay không?	□ Có	□ Không
10	Nguồn điện cho Hệ thống chiếu sáng có được bảo vệ thích hợp không?	□ Có	□ Không
11	Có hệ thống chiếu sáng sự cố hoặc dự phòng không? Nếu có, thì có được kiểm tra hàng tháng hay không? Nếu có, thì nguồn dự phòng có được chuyển ngay sang khi cần thiết không? Nếu có thì nguồn dự phòng có thể tự khởi động được hay không?	□ Có □ Có □ Có □ Có	□ Không □ Không □ Không □ Không

12	Nguồn điện chiếu sáng chính/dự phòng/sự cố có được đặt trong khu vực hạn chế không?	□ Có	□ Không
13	Có sử dụng hệ thống dây kép không?	□ Có	□ Không
14	Có sử dụng hệ thống đa dây không? Nếu có, có bố trí các công tắc chuyển mạch không?	□ Có □ Có	□ Không □ Không
15	Các công tắc và bộ điều khiển được kiểm soát và bảo vệ thích hợp không?	□ Có	□ Không
	Chúng có thể chịu được gió, mưa... và chống xáo trộn không?	□ Có	□ Không
	Nhân viên an ninh có thể tiếp cận không?	□ Có	□ Không
	Chúng có được đặt tại những nơi mà người ở phía ngoài hàng rào không thể tiếp cận được không?	□ Có	□ Không
	Có một công tắc trung tâm điều khiển chiếu sáng bảo vệ không?	□ Có	□ Không
16	Hệ thống chiếu sáng có được thiết kế và các vị trí được ghi chép lại sao cho nó có thể tiến hành sửa chữa một cách nhanh nhất trong trường hợp khẩn cấp?	□ Có	□ Không
17	Các thiết bị và vật liệu trong các khu vực chứa hàng và vận tải được chiếu sáng thích hợp không?	□ Có	□ Không
18	Nếu hàng rào có một phần là nước thì có được chiếu sáng thích hợp không	□ Có	□ Không
VI	**Các khuyến nghị bổ sung, sửa đổi Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài**		
	....		

..., ngày... tháng... năm...

TRƯỞNG BAN (BỘ PHẬN)
AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TIẾP NHẬN PHƯƠNG TIỆN THỦY NƯỚC NGOÀI
(Ký tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 37

CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA...
ĐẠI DIỆN CẢNG VỤ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA.....

Số:.../GP...

GIẤY PHÉP VÀO
CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA

Cho phép.....
Số đăng ký:.....
Chủ phương tiện:.....
Tên thuyền trưởng:.....
Số thuyền viên:.....
Trọng tải đăng ký:...../.....
Trọng tải thực tế:.....
Từ cảng, bến.....
Vào cảng, bến:.....
để.....
Loại hàng hóa:.....
Hành khách:.....

Ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI CẤP GIẤY PHÉP

CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA... (1)
ĐẠI DIỆN CẢNG VỤ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.../GP...

GIẤY PHÉP VÀO CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA(2)

Cho phép..... Số đăng ký:.....
Chủ phương tiện:.....
Tên thuyền trưởng: .....; Số thuyền viên:.....
Trọng tải toàn phần theo đăng ký.....(3);..... hành khách
Trọng tải thực tế:.....(3);..... hành khách
Loại hàng hóa vận chuyển:..... từ cảng, bến:.....
Vào cảng, bến:....., để:.....(4)
Trong thời hạn từ..... giờ..... ngày.../..../..... đến..... giờ..... ngày ..../...../.....

Ghi chú: Giấy phép này được lưu trên phương tiện trong thời gian phương tiện đậu tại cảng, bến.

Ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI CẤP GIẤY PHÉP

***Ghi chú*:**
(1) Cơ quan cấp Giấy phép là Cảng vụ thuộc Cục ĐTNĐVN hoặc Cảng vụ thuộc Sở GTVT.
(2) Hoặc là khu neo đậu.
(3)Tùy theo đơn vị tính, ghi cho phù hợp vào giấy phép (Tấn, teu, m^3, người, GT, HP, KW, CV...).
(4) Xếp dỡ hàng hóa hoặc đón trả hành khách hoặc thực hiện dịch vụ khác.
Giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa được đóng dấu treo của Cảng vụ hoặc Đại diện Cảng vụ trên góc trái phía trên.

Mẫu số 38

CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA...
ĐẠI DIỆN CẢNG VỤ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA.....

Số:.../GP...

GIẤY PHÉP RỜI
CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA (1)

Cho phép.....
Số đăng ký:.....
Chủ phương tiện:.....
Tên thuyền trưởng:.....
Số thuyền viên:.....
Trọng tải đăng ký:...../.....
Trọng tải thực tế:.....
Loại hàng:.....
Hàng khách:.....
Rời cảng, bến:.....
Lúc..... giờ..... ngày...../...../.....
Nơi đến.....
để.....
Tuyến hành trình:.....
Thời gian dự kiến đến:.....

Ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI CẤP GIẤY PHÉP

CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA....
ĐẠI DIỆN CẢNG VỤ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.../GP...

GIẤY PHÉP RỜI CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA (1)

Cho phép..... Số đăng ký:.....
Chủ phương tiện:.....
Tên thuyền trưởng:.....; Số thuyền viên:.....
Trọng tải toàn phần theo đăng ký.....(2); ..... hành khách
Trọng tải thực tế:.....(2); ..... hành khách
Loại hàng hóa:.....
Được rời cảng, bến:.....
Lúc.... giờ..... ngày.../..../.....
Nơi đến:.....
để:.....(3) .....
Tuyến hành trình:.....(4)
Thời gian dự kiến đến cảng, bến:...giờ... ngày.../.../...
Lưu ý về luồng lạch, bão, lũ và các thông tin cần thiết khác:.....
.....
.....

Ngày... tháng... năm...
NGƯỜI CẤP GIẤY PHÉP

***Ghi chú*:**
(1) Hoặc là khu neo đậu.
(2)Tùy theo đơn vị tính, ghi cho phù hợp vào giấy phép (tấn, m^3, người, TEU, GT, HP, KW, CV...).
(3) Xếp dỡ hàng hóa hoặc đón trả hành khách.
(4) Tuyến ven biển hay tuyến sông, kênh...(do thuyền trưởng quyết định).
Giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa được đóng dấu treo của Cảng vụ hoặc Đại diện Cảng vụ trên góc trái phía trên.

Mẫu số 39

CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA...
ĐẠI DIỆN CẢNG VỤ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA...

Số:.../GP...

GIẤY PHÉP RỜI
CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

Tên tàu.....
Quốc tịch tàu:.....
Dung tích toàn phần:.....
Tên thuyền trưởng:.....
Số thuyền viên:.....
Số hành khách:.....
Hàng hóa trên tàu:.....
Hàng hóa quá cảnh:.....
Rời cảng:.....
Lúc.... giờ..... ngày.../.../.....
Có hiệu lực đến... giờ... ngày... tháng... năm...
Nơi đến.....
để.....
Tuyến hành trình:.....
Thời gian dự kiến đến:.....
Lưu ý về luồng lạch, bão, lũ và các thông tin cần thiết khác:.....

Ngày... tháng... năm...
NGƯỜI CẤP GIẤY PHÉP

CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA...
Inland Waterway Port Authority area
ĐẠI DIỆN CẢNG VỤ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
Representative....

Số:.../GP...
N°

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP RỜI CẢNG THỦY NỘI ĐỊA
PORT CLEARANCE

Tên tàu..... Quốc tịch tàu:.....
Name of ship..... Flag Stage of ship.....
Dung tích toàn phần (Gross tonnage):.....
Tên thuyền trưởng:.....; Số thuyền viên:.....
Name of Master/Captain..... Number of crews.....
Số hành khách (Number of passengers):.....
Hàng hóa trên tàu:..... Hàng hóa quá cảnh.....
Cargo..... Transit cargo.....
Thời gian rời cảng:...(1) giờ... ngày... tháng... năm...
Time of departure Date.....
Cảng đến:.....
Next port of call.....
Giấy phép rời cảng này có hiệu lực đến..... giờ..... ngày..... tháng.... năm.....
This port clearance is valid until.....
Lưu ý về luồng lạch, bão, lũ và các thông tin cần thiết khác:.....
Others related information.....

Ngày... tháng... năm...
Date....
NGƯỜI CẤP GIẤY PHÉP (issuing authority)

Ghi chú: Giấy phép đóng dấu treo của Cảng vụ hoặc Đại diện Cảng vụ trên góc trái phía trên;
(1) hoặc là khu neo đậu.

Mẫu số 40

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI CHUNG
GENERAL DECLARATION

		☐ Đến Arrival	☐ Rời Departure
1.1 Tên và loại tàu: Name and type of ship:		2. Cảng đến/rời Port of arrival/departure	3. Thời gian đến/rời cảng Date - Time of arrival/departure
1.2 Số IMO: IMO number:			
1.3 Hô hiệu: Call sign:			
1.4 Số chuyến đi: Voyage number:			
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship	5.Tên thuyền trưởng: Name of Captain	6. Cảng rời cuối cùng/cảng đích: Last port of call/Destination port	
7. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng): Registration (Port, date of issue; number)		8. Tên và địa chỉ liên lạc của đại lý/người làm thủ tục: Name and contact details of the Agent	
9. Tổng dung tích: Gross tonnage	10. Dung tích có ích: Net tonnage		
11. Vị trí tàu tại cảng: Position of the ship in the port (berth or terminal)			
12. Đặc điểm chính của chuyến đi: Briefering the main particulars of voyage Các cảng trước: Previous port of call Các cảng sẽ đến: Subsequent port of call Các cảng sẽ dỡ hàng: Ports where remaining cargo will be discharged Số hàng còn lại: Remaining cargo			

<table>
<tr><td colspan="5">13. Thông tin về hàng hóa vận chuyển trên tàu:
Description of the cargo</td></tr>
<tr><td>Loại hàng hóa
Kind of cargo</td><td>Tên hàng hóa
Cargo name</td><td colspan="2">Số lượng hàng hóa
The quantity of cargo</td><td>Đơn vị tính
Unit</td></tr>
<tr><td colspan="5">Thông tin về hàng hóa quá cảnh
Description of the cargo in transit</td></tr>
<tr><td>Loại hàng hóa
Kind of cargo</td><td>Tên hàng hóa
Cargo name</td><td>Số lượng hàng hóa
The quantity of cargo</td><td>Số lượng hàng hóa quá cảnh xếp dỡ tại cảng
The quantity of cargo in transit loading, discharging</td><td>Đơn vị tính
Unit</td></tr>
<tr><td>14. Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng)
Number of crew (inl. Master/Captain)</td><td>15. Số hành khách
Number of passenger</td><td colspan="3" rowspan="4">16. Ghi chú:
Remarks</td></tr>
<tr><td colspan="2">Tài liệu đính kèm (ghi rõ số bản)
Attached documents (indicate number of copies)</td></tr>
<tr><td>17. Bản khai hàng hóa:
Cargo Declaration</td><td>18. Bản khai dự trữ của tàu
Ship’s Stores Declaration</td></tr>
<tr><td>19. Danh sách thuyền viên
Crew List</td><td>20. Danh sách hành khách
Passenger List</td><td colspan="3" rowspan="2">21. Yêu cầu về phương tiện tiếp nhận và xử lý chất thải
The ship’s requirements in terms of waste and residue reception facilities</td></tr>
<tr><td>22. Bản khai hành lý thuyền viên(*)
Crew’s laguage Declaration(*)</td><td>23. Bản khai kiểm dịch y tế(*)
Declaration of Health(*)</td></tr>
<tr><td></td><td colspan="4">...., ngày... tháng... năm 20...
Date...
Thuyền trưởng (đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master/Captain (or agent/officer authorized)</td></tr>
</table>

(*) Mục này chỉ khai khi tàu đến cảng

Only on arrival

Mẫu số 41

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

DANH SÁCH THUYỀN VIÊN
CREW LIST

		Đến Arrival		Rời Departure	Trang số: Page No:
1.1. Tên tàu: Name of ship Số đăng ký: Registration number:		2. Cảng đến/rời: Port of arrival/departure		3. Ngày đến/rời: Date of arrival/departure	
1.2. Số chuyến đi: Voyage number					
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship			5. Cảng rời cuối cùng: Last port of call		
6. STT No.	7. Họ và tên Family name, given name	8. Chức danh Rank or rating/Title	9. Quốc tịch Nationality	10. Ngày và nơi sinh Date and place of birth	11. Loại và Số Hộ chiếu Nature and No. of identity document (seaman's passport)

..., ngày... tháng... năm...
Date
Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Captain/Master (agent/officer Authorized)

Mẫu số 42

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH
PASSENGER LIST

		Đến Arrival		Rời Departure		Trang số: Page No:
1.1. Tên tàu Name of ship		2. Cảng đến/rời: Port of arrival/departure		3. Ngày đến/rời: Date of arrival/departure		
1.2. Số chuyến đi: Voyage number						
4. Quốc tịch tàu Flag State of ship						
5. Họ và tên Family name, given name	6. Quốc tịch Nationality	7. Ngày và nơi sinh Date and place of birth	8. Loại Hộ chiếu Type of identity or travel document	9. Số Hộ chiếu Serial number of identity or travel document/Passport	10. Cảng lên tàu Port of embarkation	11. Cảng rời tàu Port of disembarkation	12. Hành khách quá cảnh hay không Transit passenger or not

..., ngày... tháng... năm 20...
Date...
Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master/Captain (Agent or officer Authorized)

Mẫu số 43

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI HÀNG HÓA
CARGO DECLARATION

				Đến Arrival	Rời Departure	Trang số: Page No:
	1.1. Tên tàu: Name of ship		2. Cảng lập bản khai: Port where report is made			
	1.2. Số chuyến đi: Voyage number					
	3. Quốc tịch tàu: Flag State of ship	4. Tên thuyền trưởng: Name of master/captain	5. Cảng bốc/dỡ hàng hóa: Port of loading/Port of discharge			
Vận đơn số* B/L No	6. Ký hiệu và số hiệu hàng hóa Marks and Nos.	7. Số và loại bao kiện; loại hàng hóa, mà hàng hóa Number and kind of packages; description of goods, or, if available, the HS code	8. Tổng trọng lượng Gross weight	9. Kích thước Measurement		

* Số Vận đơn: Khai cảng nhận hàng chính thức theo phương thức vận tải đa phương thức hoặc vận đơn suốt.

B/L No: Also state original port by shipment using multimodal transport document or through Bill of Lading

..., ngày... tháng... năm...
Date
Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (Authorized agent or officer)

Mẫu số 44

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI KIỂM DỊCH THỰC VẬT
DECLARATION FOR PLANT QUARANTINE

Tên tàu:.....
Name of ship.....

Quốc tịch tàu:.....
Flag State of ship.....

Tên thuyền trưởng:.....
Name of master.....

Tên bác sỹ:.....
Name of doctor.....

Số thuyền viên:.....
Number of crew.....

Số hành khách:.....
Number of passengers.....

Cảng rời cuối cùng:.....
Last port of call.....

Cảng đến tiếp theo:.....
Next port of call.....

Cảng bốc hàng đầu tiên và ngày rời cảng đó:

The first port of loading and the date of departure:.....

Tên, số lượng, khối lượng hàng thực vật nhận ở cảng đầu tiên:.....

Name, quantity and weight of plant goods loaded at the first port:.....

Tên, số lượng, khối lượng hàng thực vật nhận ở các cảng trung gian và tên các cảng đó:.....

Name, quantity, weight of plant goods loaded at the intermediate ports and the names of these ports:.....

Tên, số lượng và khối lượng hàng thực vật cần bốc ở cảng này:.....
Name, quantity and weight of plant goods to be discharged at this port:.....

Thuyền trưởng cam đoan những điều khai ở trên là đúng và chịu trách nhiệm chấp hành đầy đủ các quy định về kiểm dịch thực vật.

The Master guarantees the correctness of the above mentioned declarations and his responsibility for full compliance with the said regulations on plant quarantine.

....., ngày... tháng... năm 20...
Date...
Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (Authorized agent or officer)

Mẫu số 45

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
DECLARATION FOR ANIMAL QUARANTINE

Tên tàu:..... Quốc tịch tàu:.....
Name of ship..... Flag State of ship.....

Tên thuyền viên:..... Tên hành khách:.....
Number of crew..... Number of passengers.....

Cảng rời cuối cùng:..... Cảng đến tiếp theo:.....
Last port of call..... Next port of call.....

Tên hàng động vật và sản phẩm động vật nhận ở cảng đầu tiên:.....

Animal and animal products loaded at the first port

Tên hàng động vật và sản phẩm động vật dỡ ở các cảng trung gian và tên cảng đó:.....

Animal and animal products loaded at the intermediate ports and the name of the ports

Tên hàng động vật và sản phẩm động vật dỡ ở cảng này:.....

Animal and animal products to be discharged at this port

Thuyền trưởng cam đoan những điều khai ở trên là đúng và chịu trách nhiệm chấp hành đầy đủ các quy định về kiểm dịch động vật.

The Master guarantees the correctness of the above mentioned declarations and his responsibility for full compliance with the said regulations on animal quarantine.

..., ngày... tháng... năm...
Date...
Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (Authorized agent or officer)

Mẫu số 46

BẢN KHAI VŨ KHÍ VÀ VẬT LIỆU NỔ

DECLARATION OF ARMS AND EXPLOSIVE MATERIALS

Trang số:

Page number:

Tên tàu:..... Số IMO.....

Name of ship..... *IMO number*.....

Quốc tịch tàu:..... Hô hiệu:.....

Flag State of ship..... *Call sign*.....

Tên thuyền trưởng:..... Đại lý tàu biển.....

Master's name..... *Shipping agent*.....

Thứ tự *Order*	**Loại vũ khí và vật liệu nổ** *Kind and description of arm and explosive material*	**Số lượng** *Quantity*	**Tên và số hiệu** *Mask and number*	**Nơi cất giữ, bảo quản** *Stored place*

CHỮ KÝ ĐẠI LÝ

Agent's signature

CHỮ KÝ THUYỀN TRƯỞNG

Master's signature

ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN

Place and date

ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN

Place and date

Mẫu số 47

BẢN KHAI NGƯỜI TRỐN TRÊN TÀU
DECLARATION OF STOWAWAY

1. Chi tiết về tàu/*Ship details*

Tên tàu/*Name of ship*:..... Đại lý cảng tiếp/*Agent in next port:*.....

Số IMO/*IMO number*:..... Địa chỉ đại lý/*Agent address:*.....

Quốc tịch tàu/*Flag State of ship:*..... IRCS:.....

Công ty tàu/*Company:*..... Số INMARSAT/*INMARSAT number:*....

Địa chỉ công ty/*Company address:*..... Cảng đăng ký/*Port of registry:*.....

Tên thuyền trưởng/*Name of the Master:*...

Đại lý tàu biển/*Shipping agent:*.....

2. Chi tiết về người trốn trên tàu/*Stow away details*

Thời gian phát hiện trên tàu/*Date/time found on board:*.....

Nơi tìm thấy trên tàu/*Place of boarding*:.....

Quốc gia xảy ra việc trốn lên tàu/*Country of boarding:*.....

Thời gian xảy ra việc trốn lên tàu/*Date/time of boarding:*.....

Đích cuối cùng của người trốn trên tàu/*Intended final destination:*.....

Lời khai lý do trốn trên tàu/*Stated reasons for boarding ship:*.....

Họ/*Surname:*.....

Tên/*Given name:*.....

Tên khác/*Name by which known:*.....

Giới tính/*Gender*:.....

Ngày sinh/*Date of birth:*.....

Nơi sinh/*Place of birth:*.....

Khai báo về quốc tịch/*Claimed nationality:*.....

Địa chỉ nhà riêng/*Home address:*.....

Quốc gia cư trú/*Country of domicile:*.....

Số-loại giấy tờ/*ID-document type, e.g. Passport No:*.....

Số Chứng minh hoặc Sổ thuyền viên/*ID- Card No. or Seaman's book No:*.....

Nếu có/*If yes,*.....

Ngày cấp/*When issued:*.....

Nơi cấp/*Where issued:*.....

Ngày hết hạn/*Date of expiry:*.....

Cơ quan cấp/*Issued by:*.....

Ảnh của người trốn trên tàu/*Photograph of the stowaway:*.....

Đặc điểm nhận dạng của người trốn trên tàu/
General physical description of the stowaway:.....

Ngôn ngữ sử dụng chính/*First language:*.....

Khả năng nói, diễn đạt/*Spoken:*.....

Khả năng đọc/*Read:*.....

Khả năng viết/*Written:*.....

Ngôn ngữ khác/*Other languages:*.....

Khả năng nói, diễn đạt/*Spoken:*.....

Khả năng đọc/*Read:*.....

Khả năng viết/*Written:*.....

3. Các chi tiết khác/*Other details*

(1) Phương thức trốn trên tàu, bao gồm cả những người liên quan (Ví dụ: Thủy thủ, công nhân cảng.v.v.) và cả người trốn trong hàng hóa/container hoặc ẩn ở trên tàu/*Method of boarding, including other persons involved (e.g. crew, port workers, etc.), and whether the Stowaway was secreted in cargo/container or hidden in the ship:*

(2) Kiểm kê tài sản người trốn trên tàu/*Inventory of the Stowaway's possessions:*

(3) Tờ khai của người trốn trên tàu/*Statement made by the Stowaway:*

(4) Tờ khai của Thuyền trưởng (bao gồm cả những nhận xét về tính xác thực về những thông tin mà người trốn trên tàu khai)/*Statement made by the Master (including any observations on the credibility of the information provided by the Stowaway)*.

Các ngày thực hiện phỏng vấn/*Date(s) of Interview(s):*

CHỮ KÝ NGƯỜI TRỐN TRÊN TÀU STOWAWAY'S SIGNATURE	**CHỮ KÝ THUYỀN TRƯỞNG** MASTER'S SIGNATURE	**CHỮ KÝ ĐẠI LÝ** AGENT'S SIGNATURE
DATE:	**DATE:**	**DATE:**

Mẫu số 48

THÔNG BÁO TÀU ĐẾN/RỜI CẢNG
NOTICE OF VESSEL ARRIVAL/DEPARTURE AT PORTS

<table>
<tr><td colspan="2" rowspan="2">Tên và loại tàu:
Name and type of ship</td><td>Cầu, bến xin cập/rời
Name of berth required</td><td>Thời gian dự kiến đến vùng đón trả hoa tiêu
E.T.A at Pilot Stat</td></tr>
<tr><td>Thời gian dự kiến cập/rời cầu
ETB/ETD</td><td>Tốc độ điều động hết máy
Full manoeuvring speed</td></tr>
<tr><td>Quốc tịch tàu
Flag State of ship</td><td>Tên thuyền trưởng
Name of master</td><td>Cảng rời cuối cùng
Last port of call</td><td>Cảng tới
Next port</td></tr>
<tr><td colspan="2">Giấy chứng nhận đăng ký (số, ngày cấp, cảng)
Certificate of registry (Number, date of issue, and Port)</td><td colspan="2">Tên và địa chỉ của chủ tàu
Name and address of the shipowners
Tên và địa chỉ liên lạc của người khai thác tàu:
Name and contact details of the ship operators</td></tr>
<tr><td>Chiều dài lớn nhất
Lenght over all (LOA)</td><td>Chiều rộng
Breadth</td><td>Chiều cao tĩnh không
Air draft</td><td>Mớn nước thực tế khi đến/rời
Actual draft on arrival/departure
Mũi (F)..... Lái (A).....</td></tr>
<tr><td>Tổng dung tích
Gross tonnage (GT)</td><td>Trọng tải toàn phần
Deadweight (DWT)</td><td colspan="2">Đại lý của chủ tàu
Name of shipowners/agents
Địa chỉ:
Tel: Fax:
Đại lý viên: Mobi:</td></tr>
<tr><td>Mục đích đến cảng
Purpose of call</td><td>Tàu lai hỗ trợ
Tug boat</td><td colspan="2">Chân vịt ngang mũi/lái/công suất
Bow/Stern thruster/Power</td></tr>
<tr><td colspan="4">Số lượng hàng hóa vận chuyển trên tàu:..... Loại hàng.....
Quantity of cargoe on board Types of cargoe
Hàng nhập:..... Hàng xuất:..... Hàng nhập nội địa..... Hàng xuất nội địa.....
Import Export Domestic in Domestic out</td></tr>
<tr><td>Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng)
Number of crew (incl. Master)</td><td>Số hành khách
Number of passengers</td><td colspan="2" rowspan="2">Ghi chú:
Remarks</td></tr>
<tr><td colspan="2">Những người khác trên tàu
Other persons on board</td></tr>
</table>

..., ngày... tháng... năm...
Date
ĐẠI LÝ HOẶC CHỦ TÀU
Agent or Master

CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA...
ĐẠI DIỆN CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA...

LỆNH ĐIỀU ĐỘNG

Số:...../LĐĐ

Tên thuyền trưởng;.....

Tên tàu:.....

Số đăng ký:.....

Trọng tải đăng ký:.....

Đang neo đậu tại:.....

Di chuyển tới:.....

Lý do điều động:.....

..., ngày... tháng... năm...

TRƯỞNG ĐẠI DIỆN

Mẫu số 49

CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA...
ĐẠI DIỆN CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LỆNH ĐIỀU ĐỘNG

Số:.../LĐĐ

TRƯỞNG ĐẠI DIỆN CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA...

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa

Cho phép thuyền trưởng phương tiện, tàu.....

Số đăng ký:.....

Trọng tải đăng ký:.....

Đang neo đậu tại vùng nước cảng, bến.....

Di chuyển tới.....

Lý do điều động:.....

..., ngày... tháng... năm...

TRƯỞNG ĐẠI DIỆN

(*Ký tên, đóng dấu*)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng